



## GIẢI PHÁP CHIẾU SÁNG THÔNG MINH

### CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP NEXT HOME

Đại diện phân phối các sản phẩm chiếu sáng và thiết bị cho nhà thông minh KNX của HDL Automation tại thị trường Việt Nam.

Địa chỉ: Số 85 - Hải Âu 2 - Vinhomes Ocean Park - Gia Lâm - Hà Nội

Điện thoại: 096 1441 678

Website: [www.next-home.vn](http://www.next-home.vn)

Email: [contact@next-home.vn](mailto:contact@next-home.vn)





Ra đời từ sự đam mê  
Hoàn thiện với độ chính xác cao nhất



NEXT HOME

## MỤC LỤC

|                              |       |
|------------------------------|-------|
| Giới thiệu                   | 01-04 |
| Giải pháp chiếu sáng         | 05-18 |
| HDL Lighting Radiance Series | 19    |
| Bright Series                | 25-38 |
| Glow Series                  | 39-64 |
| Shine Series                 | 65-80 |
| Glitter Series               | 81-86 |

## Chúng tôi là ai?

**HDL Automation**, được thành lập năm 1985, là công ty công nghệ quốc tế hàng đầu chuyên về các giải pháp nhà thông minh, tòa nhà thông minh và khách sạn thông minh. Với cam kết mạnh mẽ với thị trường, chúng tôi cố gắng cung cấp các hệ thống điều khiển tự động hóa toàn diện và các giải pháp tích hợp cho ngôi nhà và tòa nhà.

Tại HDL Automation, danh mục sản phẩm cốt lõi của chúng tôi bao gồm nhiều công nghệ tiên tiến. Từ chiếu sáng thông minh và che nắng thông minh đến kiểm soát khí hậu, giám sát an ninh và giải trí âm thanh-video, các giải pháp của chúng tôi được thiết kế để nâng cao sự thoải mái, tiện lợi và an ninh.

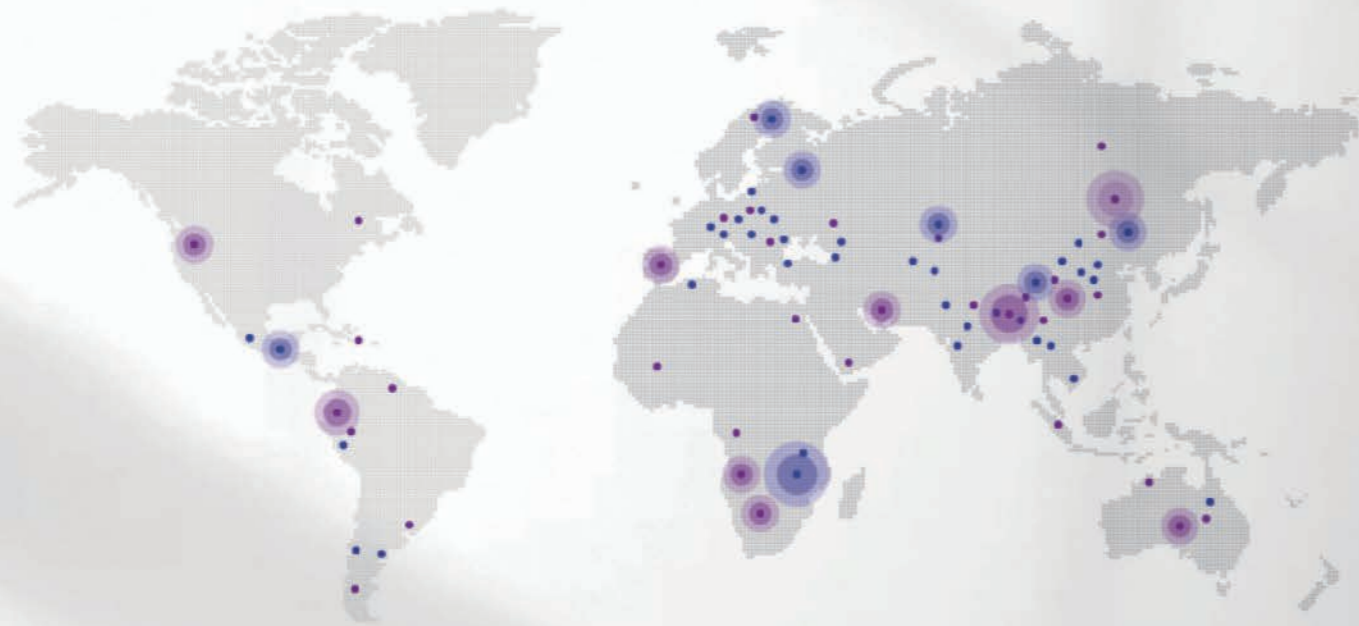
Với bề dày thành tích, các giải pháp tự động hóa của chúng tôi đã được triển khai thành công tại hơn 500.000 dự án uy tín trên toàn thế giới. Chúng tôi có số lượng lớn tài liệu tham khảo về dự án mang tính biểu tượng, chẳng hạn như Sân bay Quốc tế Dubai, Tòa nhà Trụ sở NATO, Căn hộ Australia Banc, Khách sạn Macau Morpheus và Nhà hát Opera Quốc gia Séc.

Bằng cách tận dụng chuyên môn và công nghệ tiên tiến của chúng tôi, HDL Automation tiếp tục dẫn đầu ngành, cung cấp trải nghiệm tự động hóa liền mạch giúp biến đổi không gian sống và làm việc.

Từ năm 1985 - Đối tác đáng tin cậy và tận tâm



## Lịch sử thương hiệu



**1985**

HDL được thành lập với cam kết Nghiên cứu - Phát triển và ứng dụng các sản phẩm điều khiển ánh sáng.

**2004**

HDL là doanh nghiệp đầu tiên ở Trung Quốc giới thiệu một loạt sản phẩm nhà thông minh, được gọi là dòng Shiqi.

**2017**

Trung tâm kiểm nghiệm HDL được tổ chức KNX ủy quyền là trung tâm kiểm nghiệm KNX được chứng nhận thứ 16 trên thế giới. Đây cũng là một trong hai trung tâm khảo nghiệm duy nhất ở Trung Quốc.

**1990**

HDL đã giới thiệu tủ điều chỉnh độ sáng bán kỹ thuật số đầu tiên của Trung Quốc - Tủ điều chỉnh độ sáng Hedong Xiongfeng - đã được áp dụng thành công tại Đại lễ đường Nhân dân ở Bắc Kinh.

**2015**

HDL là một trong những doanh nghiệp sớm nhất giới thiệu bộ sản phẩm nhà thông minh không dây tại Trung Quốc. Đây cũng là doanh nghiệp đầu tiên áp dụng cả hệ thống phân phối có dây và không dây vào các dự án.

**2021**

HDL đã xây dựng một hệ sinh thái hợp tác toàn diện và đưa ra giao thức HDL LINK, từ đó hiện thực hóa khả năng kết nối của ba hệ thống HDL (Buspro, Buspro Wireless và KNX).

## Trình độ chuyên môn



### Chứng nhận sản phẩm

SRRC



FC



CE

RED



EAC



PVoC



### Nhiều chứng chỉ hệ thống

**ISO10012**

2003  
Yêu cầu chung đối với hệ thống quản lý đo lường

**ISO17025**

2017  
Năng lực phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn

**ISO14001**

2015  
Hệ thống quản lý môi trường

**ISO45001**

2018  
Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

**ISO9001**

2015  
Các hệ thống quản lý chất lượng

# Giải pháp chiếu sáng thông minh từ HDL

## Thắp sáng thế giới của bạn với trải nghiệm tốt hơn



Đễ dàng điều chỉnh độ sáng và nhiệt độ màu



Nhiều loại đèn phù hợp với nhu cầu của bạn



Nhiều chế độ điều khiển ánh sáng



Công nghệ điều khiển màu DMX512



Cảm biến thông minh Tự động làm mờ



Tận hưởng nhiều ngữ cảnh khác nhau

# Làm mờ phong phú và Công nghệ kiểm soát màu sắc

HDL có các giải pháp chiếu sáng thông minh phong phú. Nhiệt độ màu cực rộng, từ 2700K đến 6500K, cũng như mức độ sáng 0,01%-100% - hàng triệu cấp độ và đầy đủ màu sắc, tất cả đều đảm bảo hiệu ứng ánh sáng hoàn hảo.



• TRAIAC Dimmer

• 0-10V Ballast Dimming Actuator

• DMX Recorder

• MOSFET Dimming Actuator

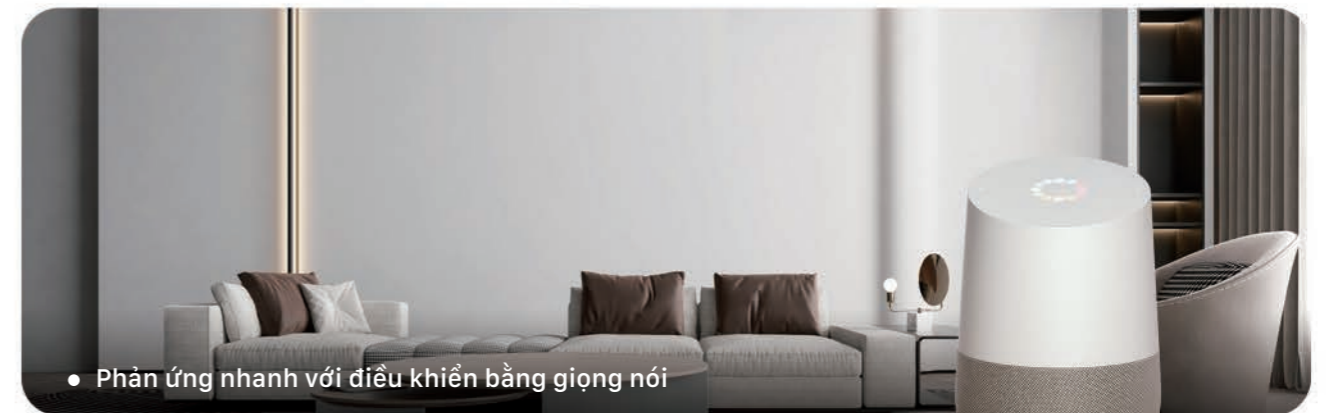
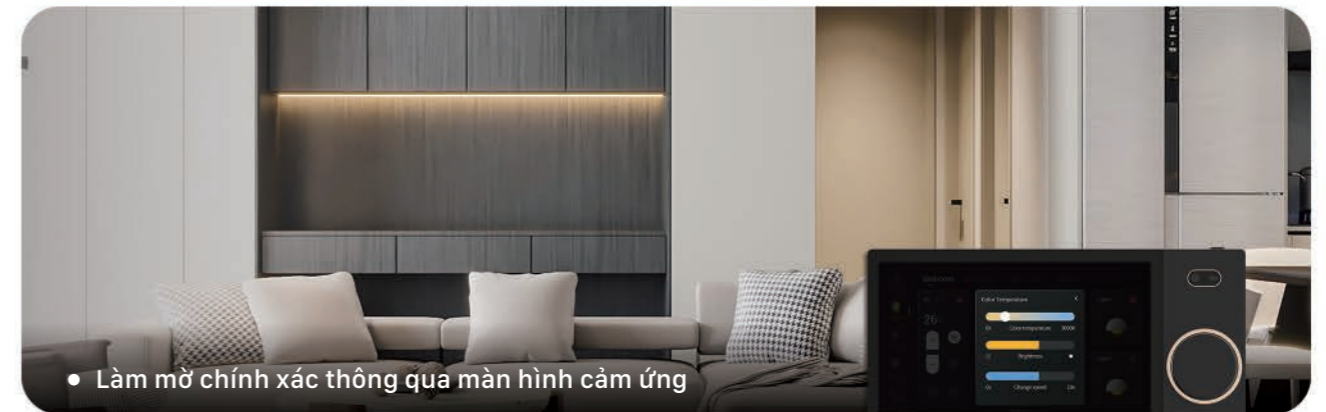
• DALI Ballast Dimming Actuator

## Tận hưởng nhiều ngữ cảnh khác nhau

Công nghệ, sản phẩm phong phú và toàn diện đảm bảo các chức năng khác nhau cần thiết trong cuộc sống hàng ngày, giúp bạn dễ dàng chuyển đổi giữa công năng cần thiết trong cùng một không gian.



## Nhiều chế độ điều khiển ánh sáng





Điều kỳ diệu thực sự xảy ra khi bạn muốn tạo ra một bầu không khí cụ thể thông qua công nghệ điều chỉnh độ sáng ở cấp độ sâu khấu.

Di chuyển từ phòng này sang phòng khác, ánh sáng sẽ thay đổi để phù hợp với nhu cầu của bạn. Dù bạn đi đâu, HDL sẽ soi đường cho bạn.

**Hãy cùng dạo quanh  
một ngày với HDL Lighting**

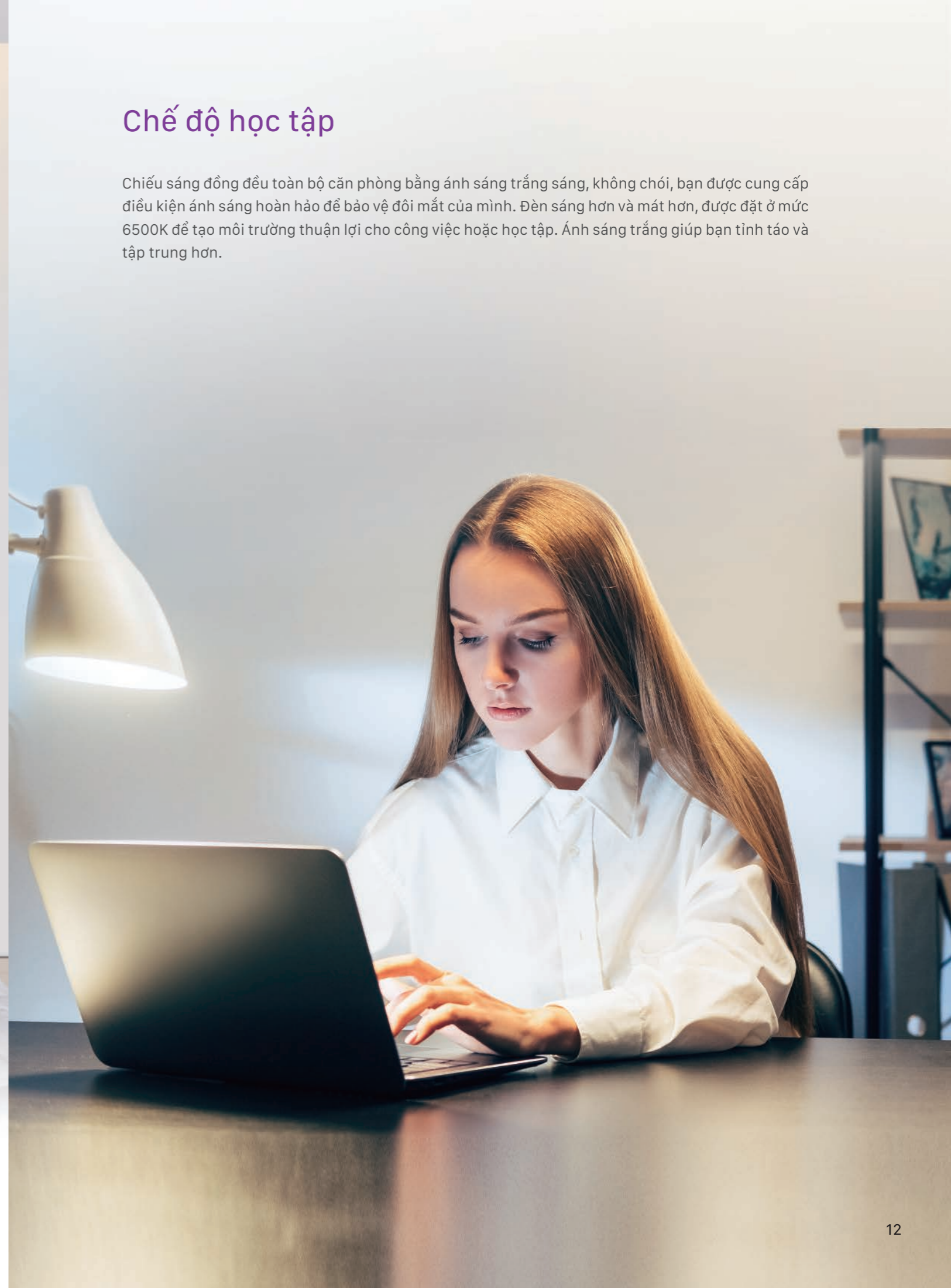


## Chế độ đánh thức

Đặt trước thời gian đánh thức, căn phòng trở nên sáng sủa với ánh sáng mờ dần và nhẹ nhàng. Đồng thời, rèm và nhạc sẽ tự động mở, tạo ra môi trường thoải mái tùy chỉnh để đánh thức bạn dậy.

## Chế độ học tập

Chiếu sáng đồng đều toàn bộ căn phòng bằng ánh sáng trắng sáng, không chói, bạn được cung cấp điều kiện ánh sáng hoàn hảo để bảo vệ đôi mắt của mình. Đèn sáng hơn và mát hơn, được đặt ở mức 6500K để tạo môi trường thuận lợi cho công việc hoặc học tập. Ánh sáng trắng giúp bạn tỉnh táo và tập trung hơn.





## Chế độ trò chơi hoặc tiệc tùng

Tổ chức tiệc hay chơi game? Bật đèn ở độ sáng khác nhau và đặt chúng ở chế độ vui nhộn, đầy màu sắc phù hợp với âm nhạc và nhịp điệu vui nhộn.

## Chế độ lãng mạn

Bạn muốn tạo một bữa tối lãng mạn cho hai người? Đặt đèn ở chế độ ánh sáng dịu, ấm áp và giảm độ sáng xuống 50%.





## Chế độ thư giãn

Khi một ngày sắp kết thúc, những sắc màu ánh sáng ấm áp, dịu nhẹ, dịu dàng tràn ngập căn phòng, tạo ra bầu không khí ấm cúng và thân mật, đồng thời mời gọi bạn bỏ lại những căng thẳng trong ngày phía sau và tìm thấy sự bình yên trong nội tâm.

## Chế độ ngủ

Trước khi ngủ, bạn có thể kích hoạt chế độ ngủ của đèn chỉ bằng một nút bấm, điều khiển thiết bị từ xa một cách thuận tiện. Và luôn có đèn soi đường cho bạn khi thức dậy vào ban đêm.





Bảo tàng BMW ở Munich

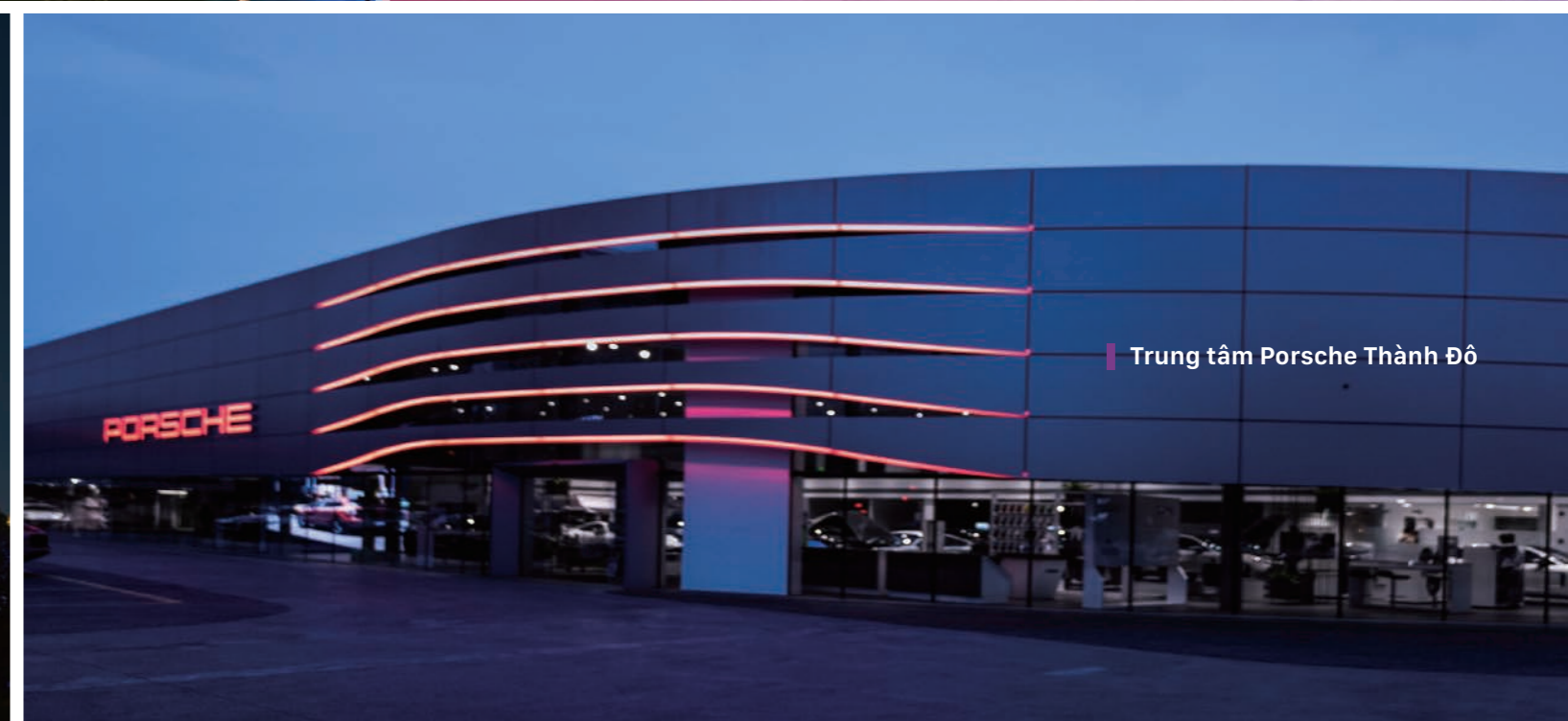


Dự án chiếu sáng điển hình của HDL

Sân bay quốc tế Dubai



Tháp hạc vàng ở Vũ Hán



Trung tâm Porsche Thành Đô



Nhà hát DISK ở Cộng hòa Séc



Khách sạn Gevora ở Dubai

# HDL Lighting Radiance Series và 4 lựa chọn cho bạn



Bright Series

| Glow Series

| Shine Series

| Glitter Series

150+  
Lighting Products

**Công nghệ không chói.  
Che giấu ánh sáng chói,  
cảm giác dễ chịu tuyệt đối**



**Công nghệ tạo bóng tổ ong chống chói**  
Tách lớp khúc xạ, ánh sáng dịu hơn

**Góc cắt tốt nhất**  
Được thiết kế công thái học

**Công nghệ chống chói Blacklit**  
Bộ lọc ánh sáng chói thứ cấp để đảm bảo không bị chói

Ưu điểm kỹ thuật của  
chiếu sáng HDL

## CRI>90 Khả năng hoàn màu tốt nhất

Để làm cho một đối tượng khôi phục lại màu gốc càng nhiều càng tốt. Dòng HDL Lighting Radiance cung cấp nhiều tùy chọn CCT hơn như 2700K/3000K/4000K/5000K, giúp các vật thể dưới ánh sáng bảo hòa hơn và gần với màu gốc hơn.



**CRI > 90**  
Khả năng tái tạo màu sắc cao,  
tái tạo chân thực màu sắc tự nhiên.



**CRI < 70**  
Chỉ số hoàn màu thấp và màu sắc  
của đối tượng không thể được hiển thị đúng.

Ưu điểm kỹ thuật của  
chiếu sáng HDL

## Ánh sáng đồng đều

COB đảm bảo tính đồng nhất của ánh sáng không có hình ảnh kép như đèn sợi đốt. Ánh sáng từ đèn COB trông tinh khiết và tự nhiên trong khi ánh sáng từ đèn có chip LED đơn có hình ảnh kép.



Đèn Cob

Đèn có chip LED đơn



Hiệu ứng ánh sáng  
tự nhiên hơn

Hiệu ứng ánh sáng  
không tự nhiên với chấm tối

Hiệu ứng ánh sáng  
ranh giới không đồng đều

Dòng HDL Lighting Radiance có khả năng phân bố ánh sáng chính xác và lượng ánh sáng cao và thậm chí là ánh sáng dịu trong khi không có chấm đen, vùng tối và quang sáng.



● Đèn kiểm soát chống thẩm thấu TIR



● Đèn điều khiển bằng chip thông thường

## Điều khiển ánh sáng thẩm thấu ngược TIR với điểm sáng dịu

Ánh sáng mềm mại và đều tạo cảm giác lập thể mạnh mẽ.

## Bright Series

Một vòng cung phát sáng  
có hình ngọn đèn.



Tấm phản xạ chống chói

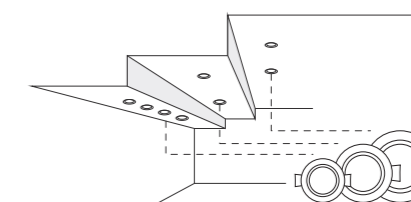


Thiết kế mô-đun để cài đặt dễ dàng



Chống sương mù phù hợp hơn

cho nhà bếp và phòng tắm



Φ55mm, Φ75mm, Φ95mm



Bright Series

● Black ● White ● Silver

Recessed Adjustable Spotlight



HD-TH3055/HD-TH3055Y

Max 7W



HD-TH3075/HD-TH3075Y

Max 12W



HD-TH3075-S/HD-TH3075Y-S

Max 9W



HD-TH3095/HD-TH3095Y

Max 25W

Pre-buried Adjustable Spotlight



HD-YM3055/HD-YM3055Y

Max 7W



HD-YM3075/HD-YM3075Y

Max 12W



HD-YM3075-S/HD-YM3075Y-S

Max 9W



HD-YM3095/HD-YM3095Y

Max 25W

Recessed Anti-fog Down Light



HD-TH4075/HD-TH4075Y

Max 7W



HD-TH4095/HD-TH4095Y

Max 15W

Bạc



Đen



Trắng



Lỗ hình Elip



Hình tròn nhỏ



Không viền



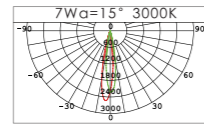
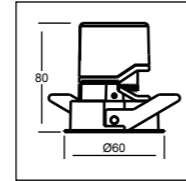
LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

HD-TH3055Y

Thông số kỹ thuật

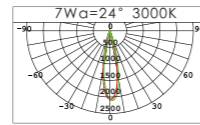


Power: Max 7W  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K  
 CRI: >90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 15°/24°/36°  
 Cut Size: Ø55mm



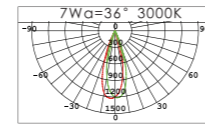
7W15° 277lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.29 | 1592  | 2571  |
| 2    | 0.59 | 398   | 642.8 |
| 3    | 0.89 | 176.9 | 285.7 |
| 4    | 1.19 | 99.51 | 160.7 |
| 5    | 1.49 | 102.8 | 102.8 |



7W24° 359lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.38 | 1414  | 2105  |
| 2    | 0.79 | 353.4 | 526.3 |
| 3    | 1.19 | 157.1 | 233.9 |
| 4    | 1.59 | 88.35 | 131.6 |
| 5    | 1.99 | 56.54 | 84.21 |



7W36° 367lm  
Lux

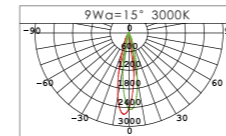
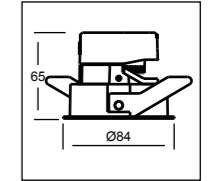
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.56 | 848.1 | 1226  |
| 2    | 1.12 | 212   | 306.5 |
| 3    | 1.69 | 94.23 | 136.2 |
| 4    | 2.25 | 53.01 | 76.63 |
| 5    | 2.81 | 33.92 | 49.05 |

HD-TH3075Y-S

Thông số kỹ thuật

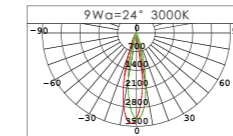


Power: Max 9W  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K  
 CRI: > 90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 15°/24°/36°/50°  
 Cut Size: Ø75mm



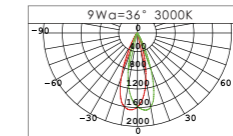
9W15° 372lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax   |
|------|------|-------|--------|
| 1    | 0.33 | 1620  | 2443   |
| 2    | 0.66 | 405.1 | 610.71 |
| 3    | 0.99 | 180   | 271.4  |
| 4    | 1.32 | 101.3 | 152.7  |
| 5    | 1.65 | 64.81 | 97.72  |



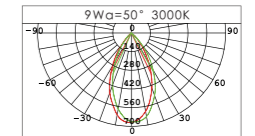
9W24° 557lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.39 | 2212  | 3310  |
| 2    | 0.79 | 553.1 | 827.5 |
| 3    | 1.18 | 245.8 | 367.8 |
| 4    | 1.58 | 138.3 | 206.9 |
| 5    | 1.97 | 88.49 | 132.4 |



9W36° 538lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.59 | 1168  | 1774  |
| 2    | 1.18 | 291.9 | 443.6 |
| 3    | 1.78 | 129.7 | 197.1 |
| 4    | 2.37 | 72.97 | 110.9 |
| 5    | 2.96 | 46.7  | 70.97 |



9W50° 480lm  
Lux

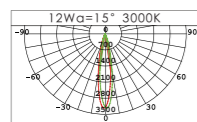
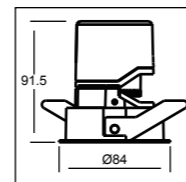
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.92 | 420   | 674.1 |
| 2    | 1.85 | 105   | 168.5 |
| 3    | 2.78 | 46.67 | 74.9  |
| 4    | 3.71 | 26.25 | 42.13 |
| 5    | 4.64 | 18.8  | 26.96 |

HD-TH3075Y

Thông số kỹ thuật

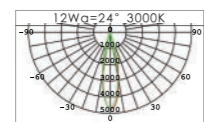


Power: Max 12W  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K  
 CRI: >90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 15°/24°/36°/50°  
 Cut Size: Ø75mm



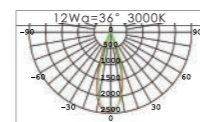
12W15° 489lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.33 | 2132  | 3238  |
| 2    | 0.66 | 533.1 | 809.4 |
| 3    | 0.99 | 236.9 | 359.8 |
| 4    | 1.32 | 133.3 | 202.4 |
| 5    | 1.65 | 85.3  | 129.5 |



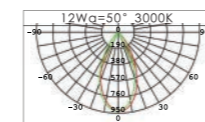
12W24° 785lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.39 | 3120  | 4716  |
| 2    | 0.78 | 780   | 1179  |
| 3    | 1.17 | 346.7 | 523.9 |
| 4    | 1.56 | 195   | 294.7 |
| 5    | 1.96 | 124.8 | 188.6 |



12W36° 771lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.59 | 1675  | 2451  |
| 2    | 1.18 | 418.8 | 612.7 |
| 3    | 1.77 | 186.1 | 272.3 |
| 4    | 2.36 | 104.7 | 153.2 |
| 5    | 2.95 | 67    | 98.04 |



12W50° 667lm  
Lux

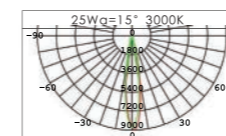
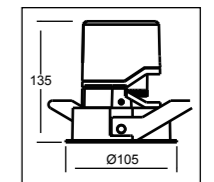
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.93 | 563.9 | 921.8 |
| 2    | 1.86 | 141   | 230.4 |
| 3    | 2.79 | 62.65 | 102.4 |
| 4    | 3.73 | 35.24 | 57.61 |
| 5    | 4.66 | 22.56 | 36.87 |

HD-TH3095Y

Thông số kỹ thuật

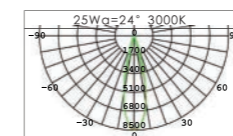


Power: Max 25W  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K  
 CRI: > 90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 15°/24°/36°/50°  
 Cut Size: Ø95mm



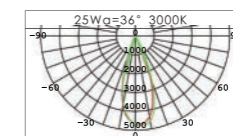
25W15° 1027lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.29 | 5931  | 8930  |
| 2    | 0.59 | 1483  | 2232  |
| 3    | 0.88 | 659   | 992.2 |
| 4    | 1.18 | 370.7 | 558.1 |
| 5    | 1.47 | 237.7 | 357.2 |



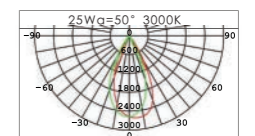
25W24° 1666lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.44 | 5882  | 8470  |
| 2    | 0.88 | 1470  | 2118  |
| 3    | 1.33 | 653.5 | 941.1 |
| 4    | 1.77 | 367.6 | 529.4 |
| 5    | 2.22 | 235.3 | 338.8 |



25W36° 1739lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.64 | 3326  | 4714  |
| 2    | 1.29 | 831.5 | 1178  |
| 3    | 1.94 | 369.5 | 523.7 |
| 4    | 2.59 | 207.9 | 294.6 |
| 5    | 3.24 | 133   | 188.5 |



25W50° 1558lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.89 | 1712  | 2603  |
| 2    | 1.78 | 427.9 | 650.9 |
| 3    | 2.67 | 190.2 | 289.3 |
| 4    | 3.56 | 107   | 162.7 |
| 5    | 4.45 | 68.47 | 104.1 |



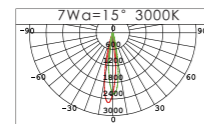
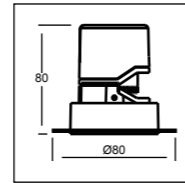
LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

HD-YM3055Y

Thông số kỹ thuật

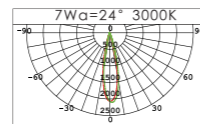


Power: Max 7W  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K  
 CRI: > 90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 15°/24°/36°  
 Cut Size: Ø55mm



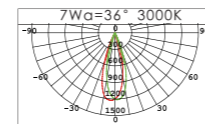
7W15° 277lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.29 | 1592  | 2571  |
| 2    | 0.59 | 398   | 642.8 |
| 3    | 0.89 | 176.9 | 285.7 |
| 4    | 1.19 | 99.51 | 160.7 |
| 5    | 1.49 | 102.8 | 102.8 |



7W24° 359lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.38 | 1414  | 2105  |
| 2    | 0.79 | 353.4 | 526.3 |
| 3    | 1.19 | 157.1 | 233.9 |
| 4    | 1.59 | 88.35 | 131.6 |
| 5    | 1.99 | 56.54 | 84.21 |



7W36° 367lm  
Lux

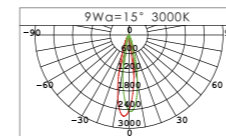
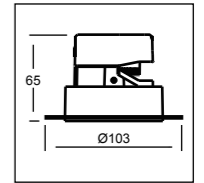
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.56 | 848.1 | 1226  |
| 2    | 1.12 | 212   | 306.5 |
| 3    | 1.69 | 94.23 | 136.2 |
| 4    | 2.25 | 53.01 | 76.63 |
| 5    | 2.81 | 33.92 | 49.05 |

HD-YM3075Y-S

Thông số kỹ thuật

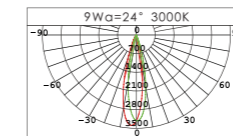


Power: Max 9W  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K  
 CRI: > 90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 15°/24°/36°/50°  
 Cut Size: Ø75mm



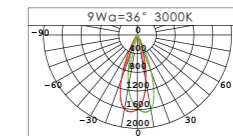
9W15° 372lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax   |
|------|------|-------|--------|
| 1    | 0.33 | 1620  | 2443   |
| 2    | 0.66 | 405.1 | 610.71 |
| 3    | 0.99 | 180   | 271.4  |
| 4    | 1.32 | 101.3 | 152.7  |
| 5    | 1.65 | 64.81 | 97.72  |



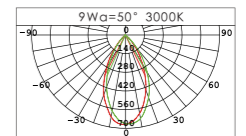
9W24° 557lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.39 | 2212  | 3310  |
| 2    | 0.79 | 553.1 | 827.5 |
| 3    | 1.18 | 245.8 | 367.8 |
| 4    | 1.58 | 138.3 | 206.9 |
| 5    | 1.97 | 88.49 | 132.4 |



9W36° 538lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.59 | 1168  | 1774  |
| 2    | 1.18 | 291.9 | 443.6 |
| 3    | 1.78 | 129.7 | 197.1 |
| 4    | 2.37 | 72.97 | 110.9 |
| 5    | 2.96 | 46.7  | 70.97 |



9W50° 480lm  
Lux

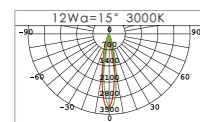
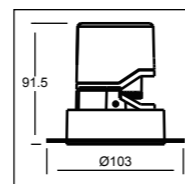
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.92 | 420   | 674.1 |
| 2    | 1.85 | 105   | 168.5 |
| 3    | 2.78 | 46.67 | 74.9  |
| 4    | 3.71 | 26.25 | 42.13 |
| 5    | 4.64 | 18.8  | 26.96 |

HD-YM3075Y

Thông số kỹ thuật

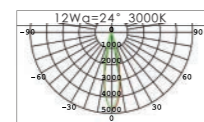


Power: Max 12W  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K  
 CRI: > 90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 15°/24°/36°/50°  
 Cut Size: Ø75mm



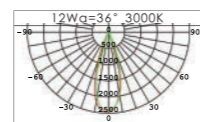
12W15° 489lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.33 | 2132  | 3238  |
| 2    | 0.66 | 533.1 | 809.4 |
| 3    | 0.99 | 236.9 | 359.8 |
| 4    | 1.32 | 133.3 | 202.4 |
| 5    | 1.65 | 85.3  | 129.5 |



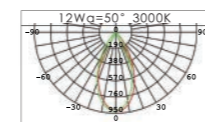
12W24° 785lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.39 | 3120  | 4714  |
| 2    | 0.78 | 780   | 1179  |
| 3    | 1.17 | 346.7 | 523.9 |
| 4    | 1.56 | 195   | 294.7 |
| 5    | 1.96 | 124.8 | 188.6 |



12W36° 771lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.59 | 1675  | 2451  |
| 2    | 1.18 | 418.8 | 612.7 |
| 3    | 1.77 | 186.1 | 272.3 |
| 4    | 2.36 | 104.7 | 153.2 |
| 5    | 2.95 | 67    | 98.04 |



12W50° 667lm  
Lux

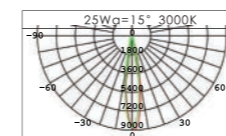
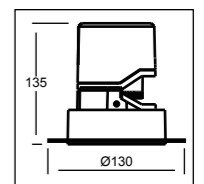
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.93 | 563.9 | 921.8 |
| 2    | 1.86 | 141   | 230.4 |
| 3    | 2.79 | 62.65 | 102.4 |
| 4    | 3.73 | 35.24 | 57.61 |
| 5    | 4.66 | 22.56 | 36.87 |

HD-YM3095Y

Thông số kỹ thuật

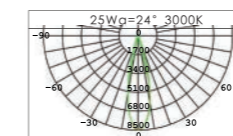


Power: Max 25W  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K  
 CRI: > 90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 15°/24°/36°/50°  
 Cut Size: Ø95mm



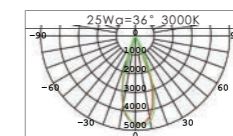
25W15° 1027lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.29 | 5931  | 8930  |
| 2    | 0.59 | 1483  | 2232  |
| 3    | 0.88 | 659   | 992.2 |
| 4    | 1.18 | 370.7 | 558.1 |
| 5    | 1.47 | 237.7 | 357.2 |



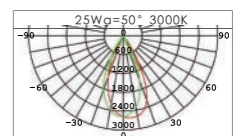
25W24° 1666lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.44 | 5882  | 8470  |
| 2    | 0.88 | 1470  | 2118  |
| 3    | 1.33 | 653.5 | 941.1 |
| 4    | 1.77 | 367.6 | 529.4 |
| 5    | 2.22 | 235.3 | 338.8 |



25W36° 1739lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.64 | 3326  | 4714  |
| 2    | 1.29 | 831.5 | 1178  |
| 3    | 1.94 | 369.5 | 523.7 |
| 4    | 2.59 | 207.9 | 294.6 |
| 5    | 3.24 | 133   | 188.5 |



25W50° 1558lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.89 | 1712  | 2603  |
| 2    | 1.78 | 427.9 | 650.9 |
| 3    | 2.67 | 190.2 | 289.3 |
| 4    | 3.56 | 107   | 162.7 |
| 5    | 4.45 | 68.47 | 104.1 |



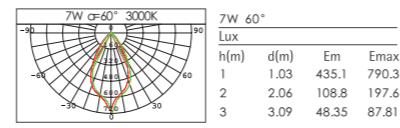
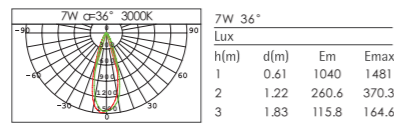
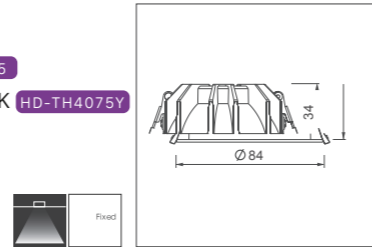
LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

**HD-TH4075**  
**HD-TH4075Y**



**Thông số kỹ thuật**

Power: Max 7Wv  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-TH4075**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-TH4075Y**  
CRI: > 90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 36°/60°  
Cut Size: Ø75mm

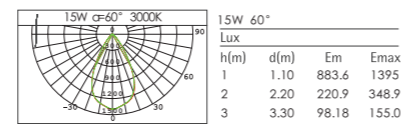
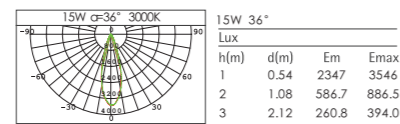
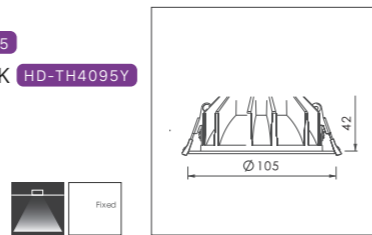


**HD-TH4095**  
**HD-TH4095Y**

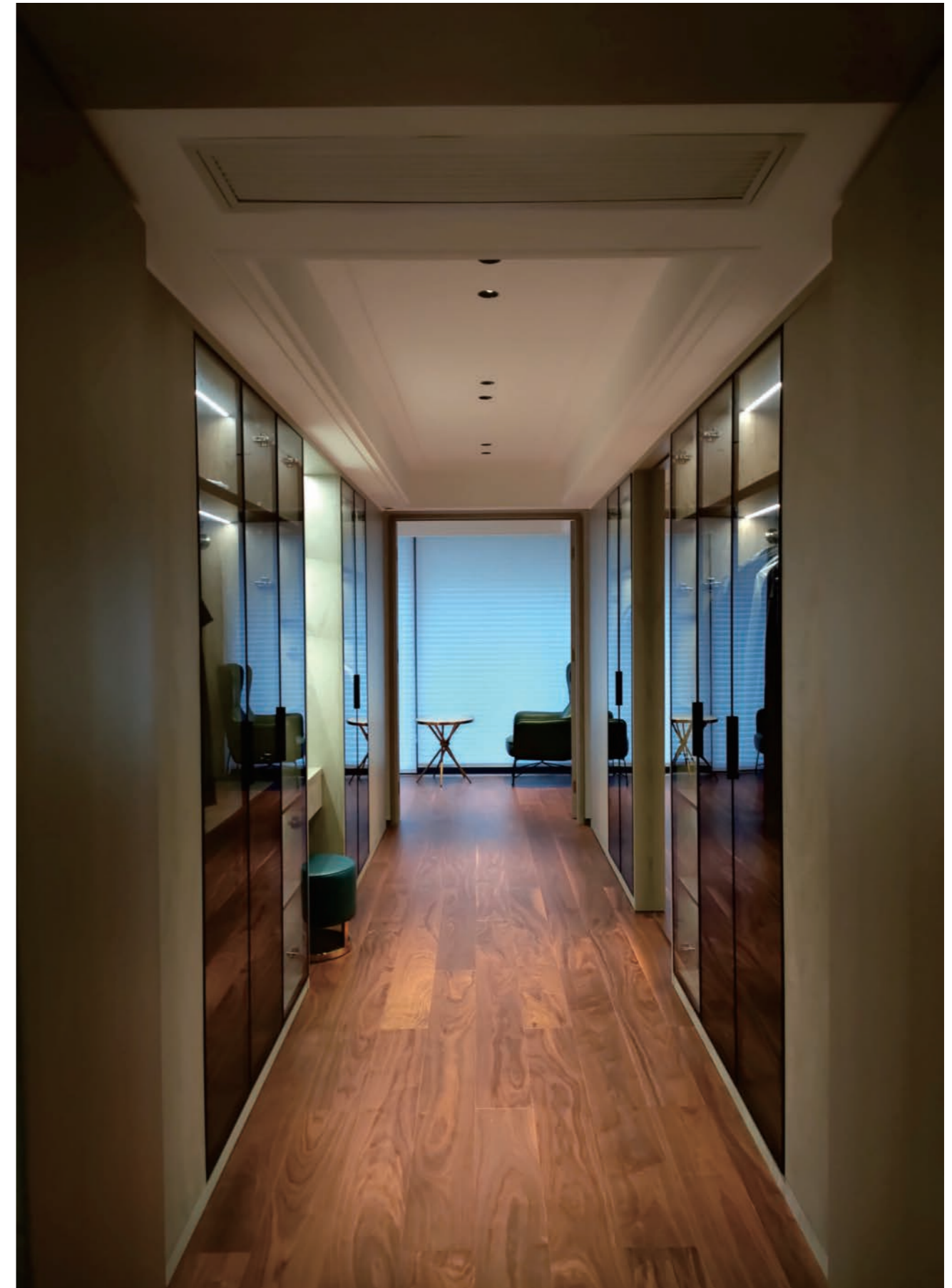


**Thông số kỹ thuật**

Power: Max 15W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-TH4095**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-TH4095Y**  
CRI: > 90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 36°/60°  
Cut Size: Ø95mm



LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

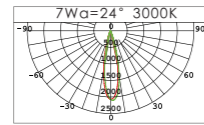
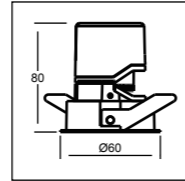


HD-TH3055

Thông số kỹ thuật

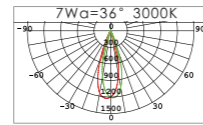


Power: Max 7W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K  
 CRI: >90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 24°/36°  
 Cut Size: Ø55mm



7W24° 359lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.38 | 1414  | 2105  |
| 2    | 0.79 | 353.4 | 526.3 |
| 3    | 1.19 | 157.1 | 233.9 |
| 4    | 1.59 | 88.35 | 131.6 |
| 5    | 1.99 | 56.54 | 84.21 |



7W36° 367lm  
Lux

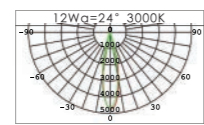
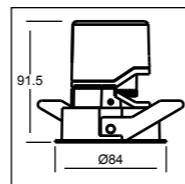
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.56 | 848.1 | 1226  |
| 2    | 1.12 | 212   | 306.5 |
| 3    | 1.69 | 94.23 | 136.2 |
| 4    | 2.25 | 53.01 | 76.63 |
| 5    | 2.81 | 33.92 | 49.05 |

HD-TH3075

Thông số kỹ thuật

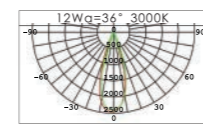


Power: Max 12W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K  
 CRI: 90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 24°/36°  
 Cut Size: Ø75mm



12W24° 785lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.39 | 3120  | 4716  |
| 2    | 0.78 | 780   | 1179  |
| 3    | 1.17 | 346.7 | 523.9 |
| 4    | 1.56 | 195   | 294.7 |
| 5    | 1.96 | 124.8 | 188.6 |



12W36° 771lm  
Lux

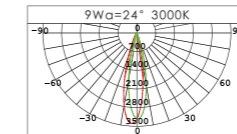
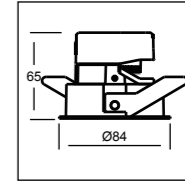
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.59 | 1675  | 2451  |
| 2    | 1.18 | 418.8 | 612.7 |
| 3    | 1.77 | 186.1 | 272.3 |
| 4    | 2.36 | 104.7 | 153.2 |
| 5    | 2.95 | 67    | 98.04 |

HD-TH3075-S

Thông số kỹ thuật

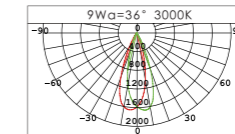


Power: Max 9W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K  
 CRI: > 90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 24°/36°  
 Cut Size: Ø75mm



9W24° 557lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.39 | 2212  | 3310  |
| 2    | 0.79 | 553.1 | 827.5 |
| 3    | 1.18 | 245.8 | 367.8 |
| 4    | 1.58 | 138.3 | 206.9 |
| 5    | 1.97 | 88.49 | 132.4 |



9W36° 538lm  
Lux

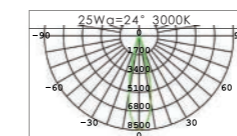
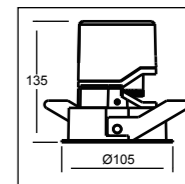
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.59 | 1168  | 1774  |
| 2    | 1.18 | 291.9 | 443.6 |
| 3    | 1.78 | 129.7 | 197.1 |
| 4    | 2.37 | 72.97 | 110.9 |
| 5    | 2.96 | 46.7  | 70.97 |

HD-TH3095

Thông số kỹ thuật

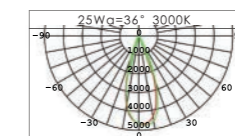


Power: Max 25W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K  
 CRI: > 90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 24°/36°  
 Cut Size: Ø95mm



25W24° 1666lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.44 | 5882  | 8470  |
| 2    | 0.88 | 1470  | 2118  |
| 3    | 1.33 | 653.5 | 941.1 |
| 4    | 1.77 | 367.6 | 529.4 |
| 5    | 2.22 | 235.3 | 338.8 |



25W36° 1739lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.64 | 3326  | 4714  |
| 2    | 1.29 | 831.5 | 1178  |
| 3    | 1.94 | 369.5 | 523.7 |
| 4    | 2.59 | 207.9 | 294.6 |
| 5    | 3.24 | 133   | 188.5 |



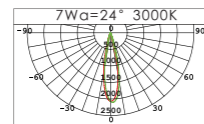
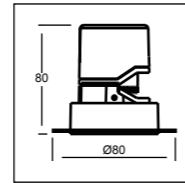
LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

HD-YM3055

Thông số kỹ thuật

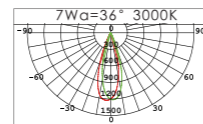


Power: Max 7W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K  
 CRI: > 90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 24°/36°  
 Cut Size: Ø55mm



7W24° 359lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.38 | 1414  | 2105  |
| 2    | 0.79 | 353.4 | 526.3 |
| 3    | 1.19 | 157.1 | 233.9 |
| 4    | 1.59 | 88.35 | 131.6 |
| 5    | 1.99 | 56.54 | 84.21 |



7W36° 367lm  
Lux

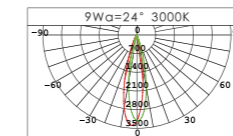
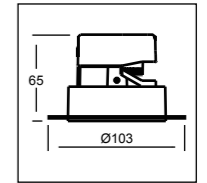
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.56 | 848.1 | 1226  |
| 2    | 1.12 | 212   | 306.5 |
| 3    | 1.69 | 94.23 | 136.2 |
| 4    | 2.25 | 53.01 | 76.63 |
| 5    | 2.81 | 33.92 | 49.05 |

HD-YM3075-S

Thông số kỹ thuật

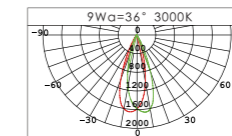


Power: Max 9W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K  
 CRI: > 90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 24°/36°  
 Cut Size: Ø75mm



9W24° 557lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.39 | 2212  | 3310  |
| 2    | 0.79 | 553.1 | 827.5 |
| 3    | 1.18 | 245.8 | 367.8 |
| 4    | 1.58 | 138.3 | 206.9 |
| 5    | 1.97 | 88.49 | 132.4 |



9W36° 538lm  
Lux

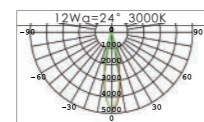
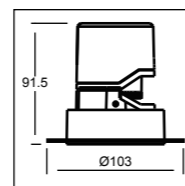
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.59 | 1168  | 1774  |
| 2    | 1.18 | 291.9 | 443.6 |
| 3    | 1.78 | 129.7 | 197.1 |
| 4    | 2.37 | 72.97 | 110.9 |
| 5    | 2.96 | 46.7  | 70.97 |

HD-YM3075

Thông số kỹ thuật

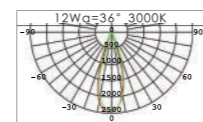


Power: Max 12W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K  
 CRI: > 90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 24°/36°  
 Cut Size: Ø75mm



12W24° 785lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.39 | 3120  | 4716  |
| 2    | 0.78 | 780   | 1179  |
| 3    | 1.17 | 346.7 | 523.9 |
| 4    | 1.56 | 195   | 294.7 |
| 5    | 1.96 | 124.8 | 188.6 |



12W36° 771lm  
Lux

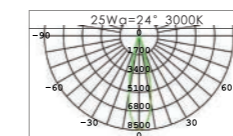
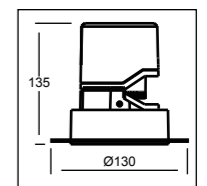
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.59 | 1675  | 2451  |
| 2    | 1.18 | 418.8 | 612.7 |
| 3    | 1.77 | 186.1 | 272.3 |
| 4    | 2.36 | 104.7 | 153.2 |
| 5    | 2.95 | 67    | 98.04 |

HD-YM3095

Technical Parameter

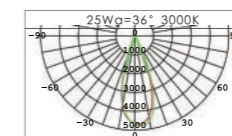


Power: Max 25W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K  
 CRI: > 90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 24°/36°  
 Cut Size: Ø95mm



25W24° 1666lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.44 | 5882  | 8470  |
| 2    | 0.88 | 1470  | 2118  |
| 3    | 1.33 | 653.5 | 941.1 |
| 4    | 1.77 | 367.6 | 529.4 |
| 5    | 2.22 | 235.3 | 338.8 |

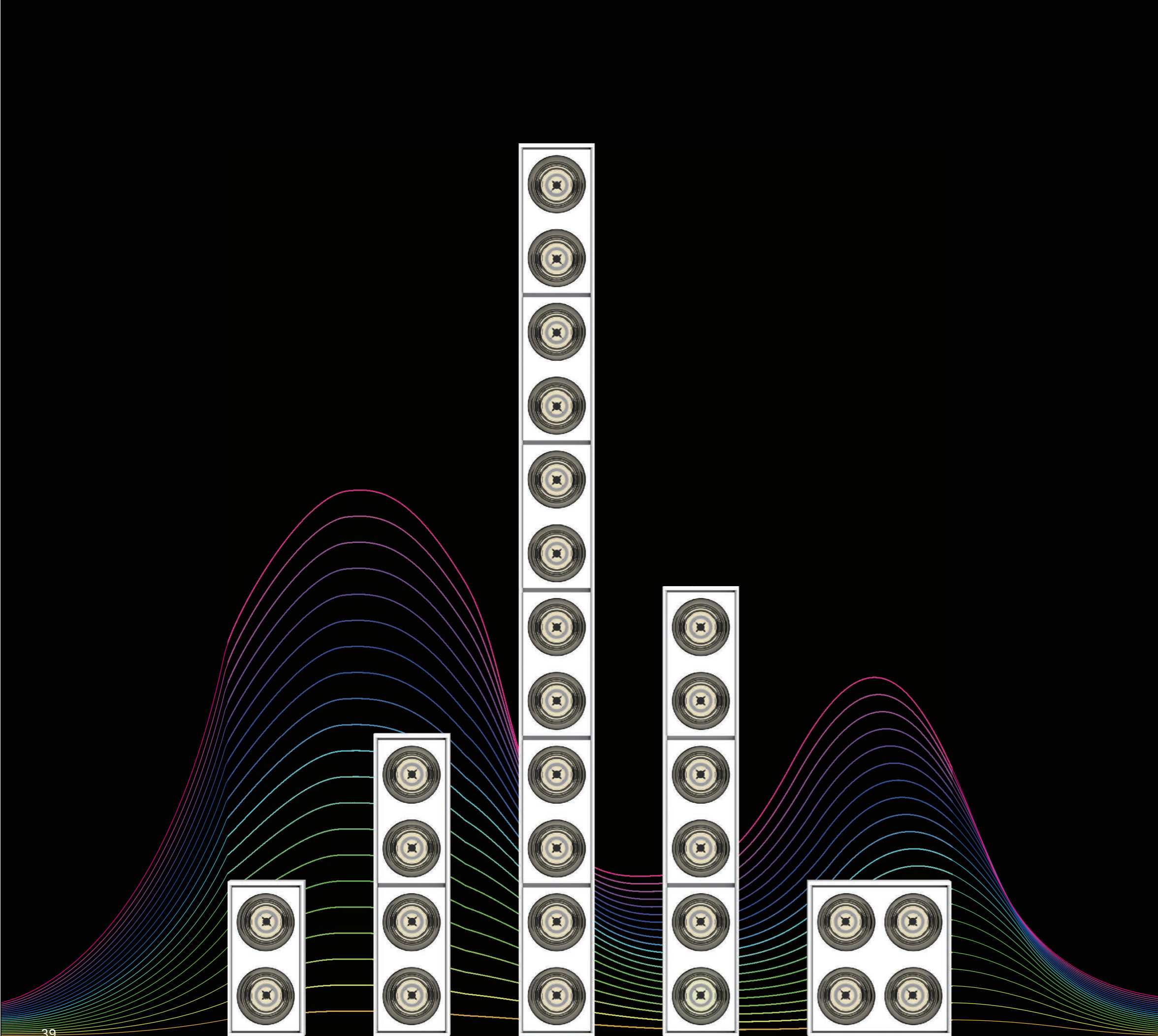


25W36° 1739lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.64 | 3326  | 4714  |
| 2    | 1.29 | 831.5 | 1178  |
| 3    | 1.94 | 369.5 | 523.7 |
| 4    | 2.59 | 207.9 | 294.6 |
| 5    | 3.24 | 133   | 188.5 |






LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL



## Glow Series

Càng đơn giản càng đẹp

-  Hiệu ứng chống chói gấp ba lần
-  URG < 15
-  Nhiều phương pháp cài đặt



Recessed Type (Regular)



HD-TH6002/HD-TH6002F

4W

HD-TH6004/HD-TH6004F

10W

HD-TH6006/HD-TH6006F

12W



HD-TH6012/HD-TH6012F

24W

HD-TH6018/HD-TH6018F

36W

Pre-buried Type (Regular)



HD-YM6002/HD-YM6002F

4W

HD-YM6004/HD-YM6004F

10W

HD-YM6006/HD-YM6006F

12W



HD-YM6012/HD-YM6012F

24W

HD-YM6018/HD-YM6018F

36W



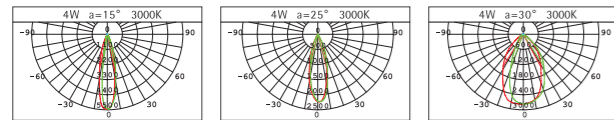
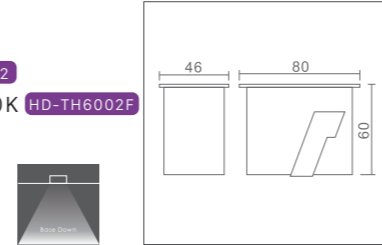
LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

**HD-TH6002**  
**HD-TH6002F**

**Thông số kỹ thuật**



Power: 4W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-TH6002**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-TH6002F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°  
Cut Size: 72×42mm



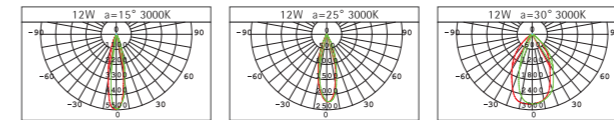
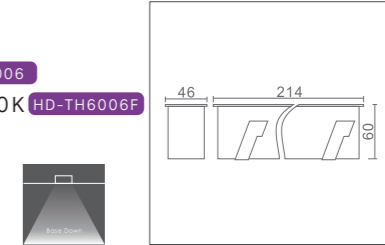
| 4W 15° |      |       |       | 4W 25° |      |       |       | 4W 30° |      |       |       |
|--------|------|-------|-------|--------|------|-------|-------|--------|------|-------|-------|
| Lux    |      |       |       | Lux    |      |       |       | Lux    |      |       |       |
| h(m)   | d(m) | Em    | Emax  | h(m)   | d(m) | Em    | Emax  | h(m)   | d(m) | Em    | Emax  |
| 1      | 0.23 | 3769  | 5491  | 1      | 0.51 | 1492  | 2236  | 1      | 0.68 | 1954  | 2859  |
| 2      | 0.46 | 942.3 | 1373  | 2      | 1.02 | 372.9 | 559.1 | 2      | 1.36 | 488.5 | 714.8 |
| 3      | 0.69 | 418.8 | 610.1 | 3      | 1.53 | 165.8 | 248.5 | 3      | 2.04 | 217.1 | 317.7 |

**HD-TH6006**  
**HD-TH6006F**

**Thông số kỹ thuật**



Power: 12W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-TH6006**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-TH6006F**  
CRI: 90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°  
Cut Size: 204×42mm



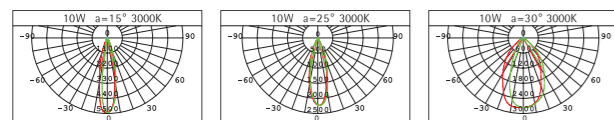
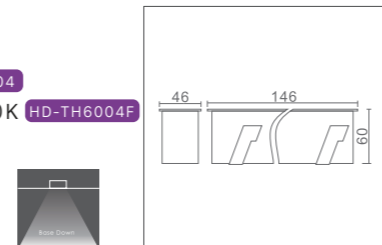
| 12W 15° |      |       |       | 12W 25° |      |       |       | 12W 30° |      |       |       |
|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|
| Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |
| 1       | 0.23 | 3769  | 5491  | 1       | 0.51 | 1492  | 2236  | 1       | 0.68 | 1954  | 2859  |
| 2       | 0.46 | 942.3 | 1373  | 2       | 1.02 | 372.9 | 559.1 | 2       | 1.36 | 488.5 | 714.8 |
| 3       | 0.69 | 418.8 | 610.1 | 3       | 1.53 | 165.8 | 248.5 | 3       | 2.04 | 217.1 | 317.7 |

**HD-TH6004**  
**HD-TH6004F**

**Thông số kỹ thuật**



Power: 10W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-TH6004**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-TH6004F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°  
Cut Size: 138×42mm



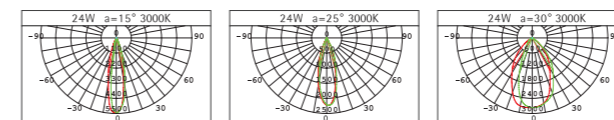
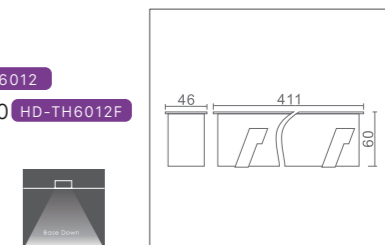
| 10W 15° |      |       |       | 10W 25° |      |       |       | 10W 30° |      |       |       |
|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|
| Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |
| 1       | 0.23 | 3769  | 5491  | 1       | 0.51 | 1492  | 2236  | 1       | 0.68 | 1954  | 2859  |
| 2       | 0.46 | 942.3 | 1373  | 2       | 1.02 | 372.9 | 559.1 | 2       | 1.36 | 488.5 | 714.8 |
| 3       | 0.69 | 418.8 | 610.1 | 3       | 1.53 | 165.8 | 248.5 | 3       | 2.04 | 217.1 | 317.7 |

**HD-TH6012**  
**HD-TH6012F**

**Thông số kỹ thuật**



Power: 24W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-TH6012**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-TH6012F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°  
Cut Size: 404×42mm



| 24W 15° |      |       |       | 24W 25° |      |       |       | 24W 30° |      |       |       |
|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|
| Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |
| 1       | 0.23 | 3769  | 5491  | 1       | 0.51 | 1492  | 2236  | 1       | 0.68 | 1954  | 2859  |
| 2       | 0.46 | 942.3 | 1373  | 2       | 1.02 | 372.9 | 559.1 | 2       | 1.36 | 488.5 | 714.8 |
| 3       | 0.69 | 418.8 | 610.1 | 3       | 1.53 | 165.8 | 248.5 | 3       | 2.04 | 217.1 | 317.7 |



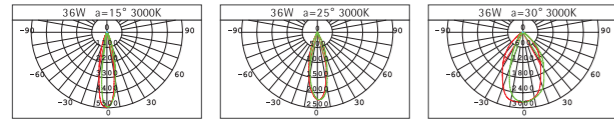
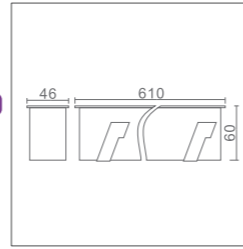
LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

HD-TH6018  
HD-TH6018F

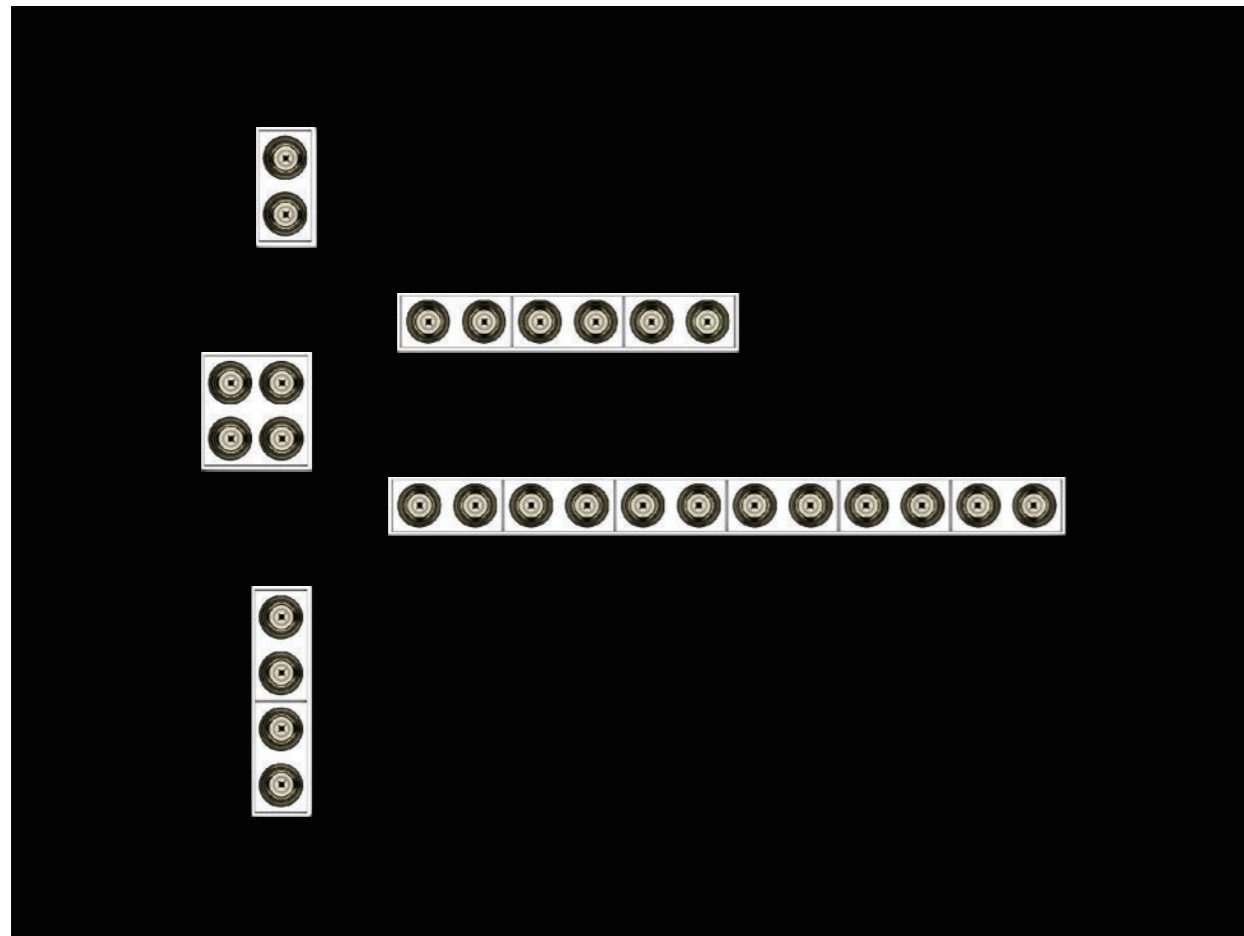
Thông số kỹ thuật



Power: 36W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-TH6018**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-TH6018F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°  
Cut Size: 604×42mm



| 36W 15° |      |       |                  | 36W 25° |      |       |                  | 36W 30° |      |       |                  |
|---------|------|-------|------------------|---------|------|-------|------------------|---------|------|-------|------------------|
| Lux     |      |       |                  | Lux     |      |       |                  | Lux     |      |       |                  |
| h(m)    | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> | h(m)    | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> | h(m)    | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> |
| 1       | 0.23 | 3769  | 5491             | 1       | 0.51 | 1492  | 2236             | 1       | 0.68 | 1954  | 2859             |
| 2       | 0.46 | 942.3 | 1373             | 2       | 1.02 | 372.9 | 559.1            | 2       | 1.36 | 488.5 | 714.8            |
| 3       | 0.69 | 418.8 | 610.1            | 3       | 1.53 | 165.8 | 248.5            | 3       | 2.04 | 217.1 | 317.7            |



LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL



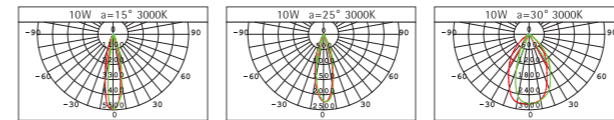
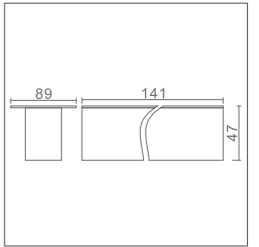


**HD-YM6004  
HD-YM6004F**



**Thông số kỹ thuật**

Power: 10W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-YM6004**  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-YM6004F**  
 CRI: >90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 15°/25°/30°  
 Cut Size: 142×40mm



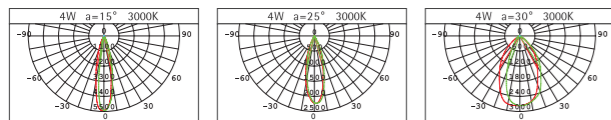
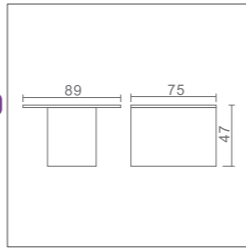
| 10W 15° |      |       |       | 10W 25° |      |       |       | 10W 30° |      |       |       |
|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|
| Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |
| 1       | 0.23 | 3769  | 5491  | 1       | 0.51 | 1492  | 2236  | 1       | 0.68 | 1954  | 2859  |
| 2       | 0.46 | 942.3 | 1373  | 2       | 1.02 | 372.9 | 559.1 | 2       | 1.36 | 488.5 | 714.8 |
| 3       | 0.69 | 418.8 | 610.1 | 3       | 1.53 | 165.8 | 248.5 | 3       | 2.04 | 217.1 | 317.7 |

**HD-YM6002  
HD-YM6002F**



**Thông số kỹ thuật**

Power: 4W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-YM6002**  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-YM6002F**  
 CRI: >90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 15°/25°/30°  
 Cut Size: 75×40mm



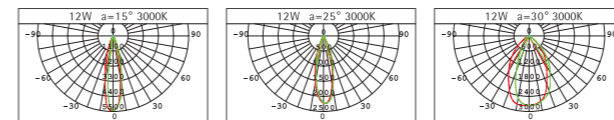
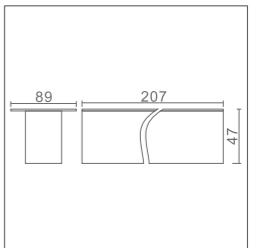
| 4W 15° |      |       |       | 4W 25° |      |       |       | 4W 30° |      |       |       |
|--------|------|-------|-------|--------|------|-------|-------|--------|------|-------|-------|
| Lux    |      |       |       | Lux    |      |       |       | Lux    |      |       |       |
| h(m)   | d(m) | Em    | Emax  | h(m)   | d(m) | Em    | Emax  | h(m)   | d(m) | Em    | Emax  |
| 1      | 0.23 | 3769  | 5491  | 1      | 0.51 | 1492  | 2236  | 1      | 0.68 | 1954  | 2859  |
| 2      | 0.46 | 942.3 | 1373  | 2      | 1.02 | 372.9 | 559.1 | 2      | 1.36 | 488.5 | 714.8 |
| 3      | 0.69 | 418.8 | 610.1 | 3      | 1.53 | 165.8 | 248.5 | 3      | 2.04 | 217.1 | 317.7 |

**HD-YM6006  
HD-YM6006F**



**Thông số kỹ thuật**

Power: 12W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-YM6006**  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-YM6006F**  
 CRI: >90  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 15°/25°/30°  
 Cut Size: 208×40mm



| 12W 15° |      |       |       | 12W 25° |      |       |       | 12W 30° |      |       |       |
|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|
| Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |
| 1       | 0.23 | 3769  | 5491  | 1       | 0.51 | 1492  | 2236  | 1       | 0.68 | 1954  | 2859  |
| 2       | 0.46 | 942.3 | 1373  | 2       | 1.02 | 372.9 | 559.1 | 2       | 1.36 | 488.5 | 714.8 |
| 3       | 0.69 | 418.8 | 610.1 | 3       | 1.53 | 165.8 | 248.5 | 3       | 2.04 | 217.1 | 317.7 |



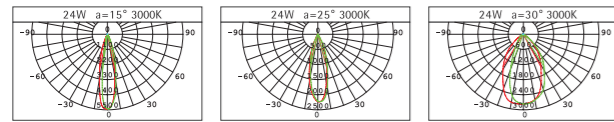
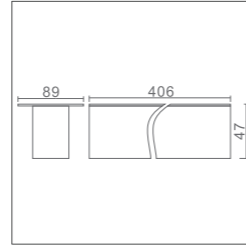
LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

**HD-YM6012**  
**HD-YM6012F**

**Thông số kỹ thuật**



Power: 24W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-YM6012**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-YM6012F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°  
Cut Size: 408x45mm



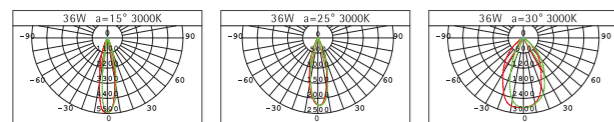
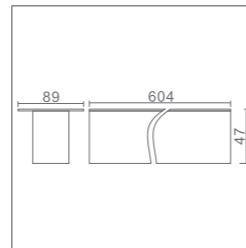
| 24W 15° |      |      |       | 24W 25° |      |      |       | 24W 30° |      |      |       |       |
|---------|------|------|-------|---------|------|------|-------|---------|------|------|-------|-------|
| Lux     | d(m) | Em   | Emax  | Lux     | d(m) | Em   | Emax  | Lux     | d(m) | Em   | Emax  |       |
|         | h(m) |      |       |         | h(m) |      |       |         | h(m) |      |       |       |
|         | 1    | 0.23 | 3769  | 5491    | 1    | 0.51 | 1492  | 2236    | 1    | 0.68 | 1954  | 2859  |
|         | 2    | 0.46 | 942.3 | 1373    | 2    | 1.02 | 372.9 | 559.1   | 2    | 1.36 | 488.5 | 714.8 |
|         | 3    | 0.69 | 418.8 | 610.1   | 3    | 1.53 | 165.8 | 248.5   | 3    | 2.04 | 217.1 | 317.7 |

**HD-YM6018**  
**HD-YM6018F**

**Thông số kỹ thuật**



Power: 36W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-YM6018**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-YM6018F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°  
Cut Size: 606x45mm



| 36W 15° |      |      |       | 36W 25° |      |      |       | 36W 30° |      |      |       |       |
|---------|------|------|-------|---------|------|------|-------|---------|------|------|-------|-------|
| Lux     | d(m) | Em   | Emax  | Lux     | d(m) | Em   | Emax  | Lux     | d(m) | Em   | Emax  |       |
|         | h(m) |      |       |         | h(m) |      |       |         | h(m) |      |       |       |
|         | 1    | 0.23 | 3769  | 5491    | 1    | 0.51 | 1492  | 2236    | 1    | 0.68 | 1954  | 2859  |
|         | 2    | 0.46 | 942.3 | 1373    | 2    | 1.02 | 372.9 | 559.1   | 2    | 1.36 | 488.5 | 714.8 |
|         | 3    | 0.69 | 418.8 | 610.1   | 3    | 1.53 | 165.8 | 248.5   | 3    | 2.04 | 217.1 | 317.7 |



LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL





● Black ● White ● Silver

Stretchable Recessed Type (Regular)



HD-LS6004/HD-LS6004F

8W



HD-LS6006/HD-LS6006F

12W

Surface Mounted Type (Regular)



HD-MZ6002/HD-MZ6002F

4W



HD-MZ6004/HD-MZ6004F

10W



HD-MZ6006/HD-MZ6006F

12W



HD-MZ6064/HD-MZ6064F

10W



HD-MZ6012/HD-MZ6012F

24W

Suspension Type (Regular)



HD-DZ9006/HD-DZ9006F

18W



HD-DZ9010/HD-DZ9010F

30W



HD-DZ9012/HD-DZ9012F

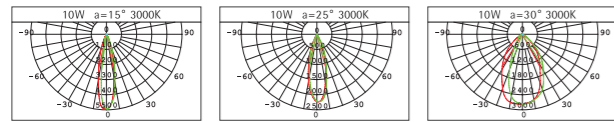
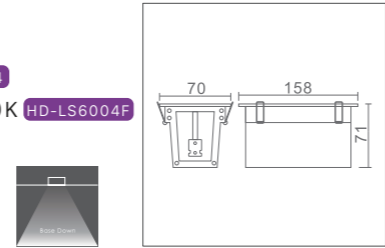
36W

**HD-LS6004**  
**HD-LS6004F**

**Thông số kỹ thuật**



Power: 10W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-LS6004**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-LS6004F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°  
Cut Size: 154×64mm



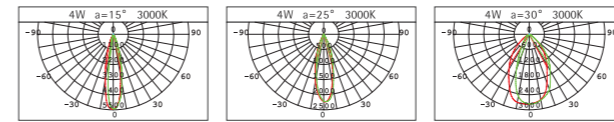
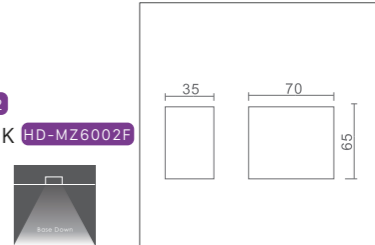
| 10W 15° |      |      |             | 10W 25° |      |      |             | 10W 30° |      |      |             |
|---------|------|------|-------------|---------|------|------|-------------|---------|------|------|-------------|
| Lux     | h(m) | d(m) | Em Emax     | Lux     | h(m) | d(m) | Em Emax     | Lux     | h(m) | d(m) | Em Emax     |
|         | 1    | 0.23 | 3769 5491   |         | 1    | 0.51 | 1492 2236   |         | 1    | 0.68 | 1954 2859   |
|         | 2    | 0.46 | 942.3 1373  |         | 2    | 1.02 | 372.9 559.1 |         | 2    | 1.36 | 488.5 714.8 |
|         | 3    | 0.69 | 418.8 610.1 |         | 3    | 1.53 | 165.8 248.5 |         | 3    | 2.04 | 217.1 317.7 |

**HD-MZ6002**  
**HD-MZ6002F**

**Thông số kỹ thuật**



Power: 4W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-MZ6002**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-MZ6002F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°



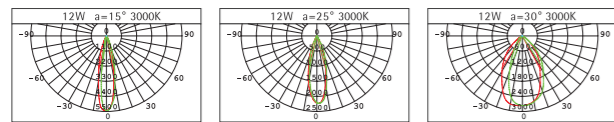
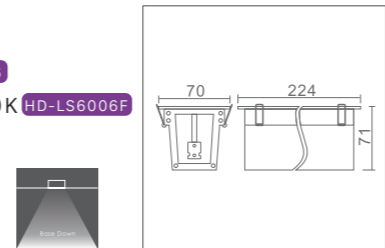
| 4W 15° |      |      |             | 4W 25° |      |      |             | 4W 30° |      |      |             |
|--------|------|------|-------------|--------|------|------|-------------|--------|------|------|-------------|
| Lux    | h(m) | d(m) | Em Emax     | Lux    | h(m) | d(m) | Em Emax     | Lux    | h(m) | d(m) | Em Emax     |
|        | 1    | 0.23 | 3769 5491   |        | 1    | 0.51 | 1492 2236   |        | 1    | 0.68 | 1954 2859   |
|        | 2    | 0.46 | 942.3 1373  |        | 2    | 1.02 | 372.9 559.1 |        | 2    | 1.36 | 488.5 714.8 |
|        | 3    | 0.69 | 418.8 610.1 |        | 3    | 1.53 | 165.8 248.5 |        | 3    | 2.04 | 217.1 317.7 |

**HD-LS6006**  
**HD-LS6006F**

**Thông số kỹ thuật**



Power: 12W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-LS6006**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-LS6006F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°  
Cut Size: 220×64mm



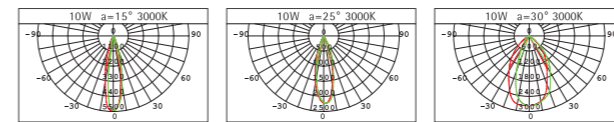
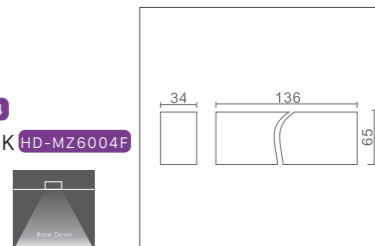
| 12W 15° |      |      |             | 12W 25° |      |      |             | 12W 30° |      |      |             |
|---------|------|------|-------------|---------|------|------|-------------|---------|------|------|-------------|
| Lux     | h(m) | d(m) | Em Emax     | Lux     | h(m) | d(m) | Em Emax     | Lux     | h(m) | d(m) | Em Emax     |
|         | 1    | 0.23 | 3769 5491   |         | 1    | 0.51 | 1492 2236   |         | 1    | 0.68 | 1954 2859   |
|         | 2    | 0.46 | 942.3 1373  |         | 2    | 1.02 | 372.9 559.1 |         | 2    | 1.36 | 488.5 714.8 |
|         | 3    | 0.69 | 418.8 610.1 |         | 3    | 1.53 | 165.8 248.5 |         | 3    | 2.04 | 217.1 317.7 |

**HD-MZ6004**  
**HD-MZ6004F**

**Thông số kỹ thuật**



Power: 10W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-MZ6004**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-MZ6004F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°



| 10W 15° |      |      |             | 10W 25° |      |      |             | 10W 30° |      |      |             |
|---------|------|------|-------------|---------|------|------|-------------|---------|------|------|-------------|
| Lux     | h(m) | d(m) | Em Emax     | Lux     | h(m) | d(m) | Em Emax     | Lux     | h(m) | d(m) | Em Emax     |
|         | 1    | 0.23 | 3769 5491   |         | 1    | 0.51 | 1492 2236   |         | 1    | 0.68 | 1954 2859   |
|         | 2    | 0.46 | 942.3 1373  |         | 2    | 1.02 | 372.9 559.1 |         | 2    | 1.36 | 488.5 714.8 |
|         | 3    | 0.69 | 418.8 610.1 |         | 3    | 1.53 | 165.8 248.5 |         | 3    | 2.04 | 217.1 317.7 |



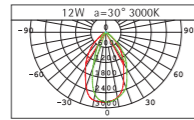
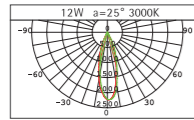
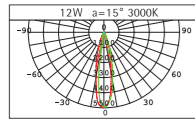
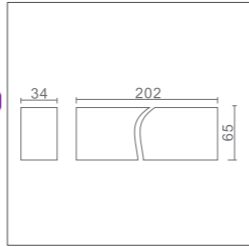
LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

**HD-MZ6006**  
**HD-MZ6006F**

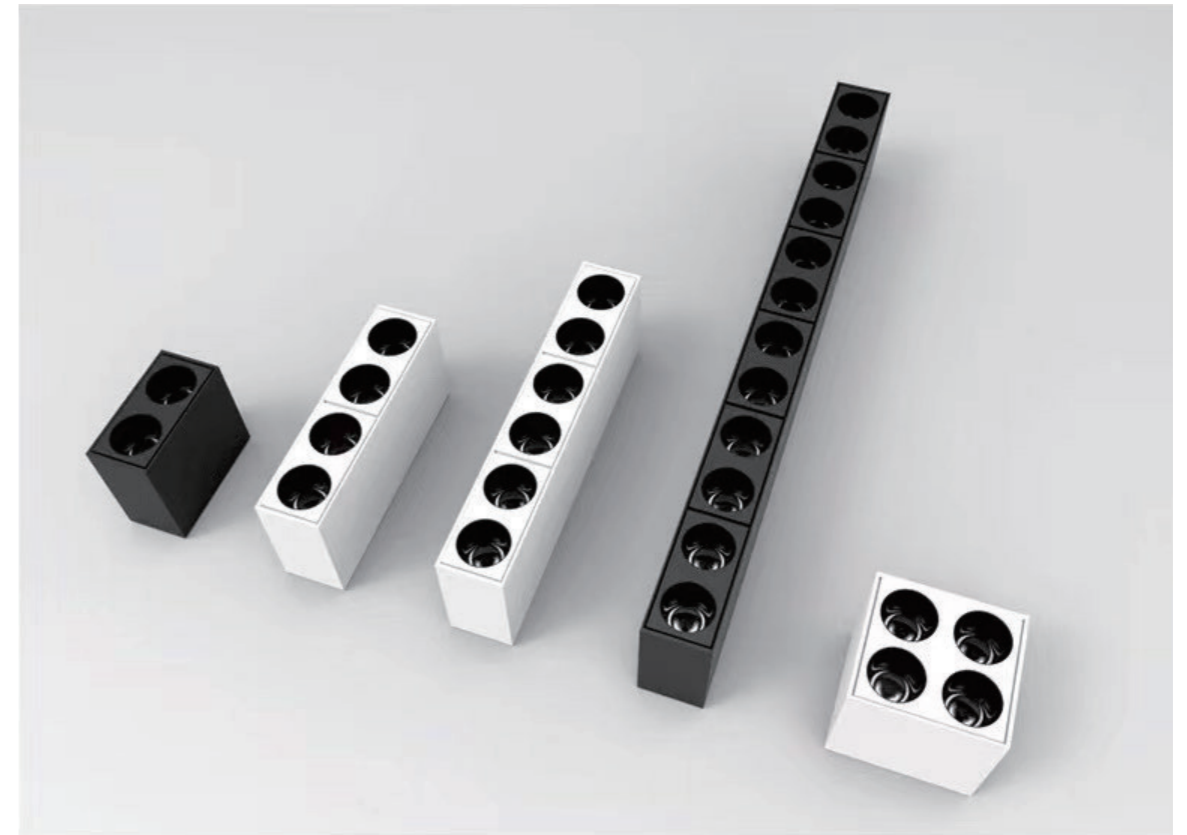
**Thông số kỹ thuật**



Power: 12W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-MZ6006**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-MZ6006F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°



| 12W 15° |      |       |       | 12W 25° |      |       |       | 12W 30° |      |       |       |
|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|
| Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |
| 1       | 0.23 | 3769  | 5491  | 1       | 0.51 | 1492  | 2236  | 1       | 0.68 | 1954  | 2859  |
| 2       | 0.46 | 942.3 | 1373  | 2       | 1.02 | 372.9 | 559.1 | 2       | 1.36 | 488.5 | 714.8 |
| 3       | 0.69 | 418.8 | 610.1 | 3       | 1.53 | 165.8 | 248.5 | 3       | 2.04 | 217.1 | 317.7 |

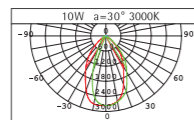
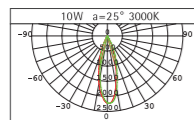
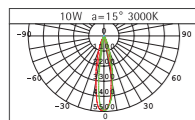
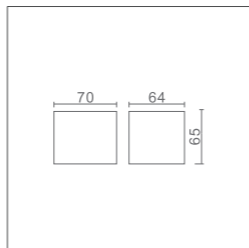


**HD-MZ6064**  
**HD-MZ6064F**

**Thông số kỹ thuật**



Power: 10W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-MZ6064**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-MZ6064F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°



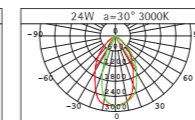
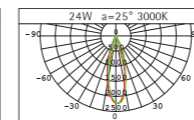
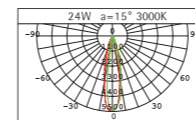
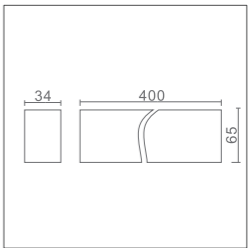
| 10W 15° |      |       |       | 10W 25° |      |       |       | 10W 30° |      |       |       |
|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|
| Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |
| 1       | 0.23 | 3769  | 5491  | 1       | 0.51 | 1492  | 2236  | 1       | 0.68 | 1954  | 2859  |
| 2       | 0.46 | 942.3 | 1373  | 2       | 1.02 | 372.9 | 559.1 | 2       | 1.36 | 488.5 | 714.8 |
| 3       | 0.69 | 418.8 | 610.1 | 3       | 1.53 | 165.8 | 248.5 | 3       | 2.04 | 217.1 | 317.7 |

**HD-MZ6012**  
**HD-MZ6012F**

**Thông số kỹ thuật**



Power: 24W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-MZ6012**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-MZ6012F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°



| 24W 15° |      |       |       | 24W 25° |      |       |       | 24W 30° |      |       |       |
|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|
| Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |
| 1       | 0.23 | 3769  | 5491  | 1       | 0.51 | 1492  | 2236  | 1       | 0.68 | 1954  | 2859  |
| 2       | 0.46 | 942.3 | 1373  | 2       | 1.02 | 372.9 | 559.1 | 2       | 1.36 | 488.5 | 714.8 |
| 3       | 0.69 | 418.8 | 610.1 | 3       | 1.53 | 165.8 | 248.5 | 3       | 2.04 | 217.1 | 317.7 |



LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

● Black ● White ● Silver

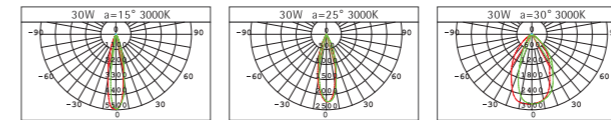
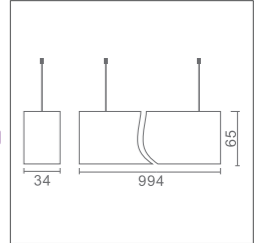


**HD-DZ9010**  
**HD-DZ9010F**



**Thông số kỹ thuật**

Power: 30W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-DZ9010**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-DZ9010F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°



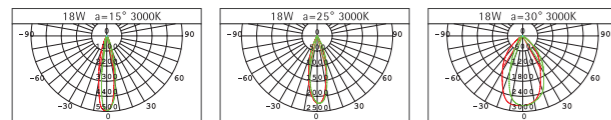
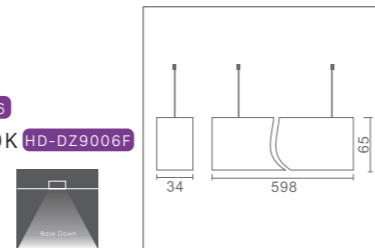
| 30W 15° |      |       |                  | 30W 25° |      |       |                  | 30W 30° |      |       |                  |
|---------|------|-------|------------------|---------|------|-------|------------------|---------|------|-------|------------------|
| Lux     |      |       |                  | Lux     |      |       |                  | Lux     |      |       |                  |
| h(m)    | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> | h(m)    | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> | h(m)    | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> |
| 1       | 0.23 | 3769  | 5491             | 1       | 0.51 | 1492  | 2236             | 1       | 0.68 | 1954  | 2859             |
| 2       | 0.46 | 942.3 | 1373             | 2       | 1.02 | 372.9 | 559.1            | 2       | 1.36 | 488.5 | 714.8            |
| 3       | 0.69 | 418.8 | 610.1            | 3       | 1.53 | 165.8 | 248.5            | 3       | 2.04 | 217.1 | 317.7            |

**HD-DZ9006**  
**HD-DZ9006F**



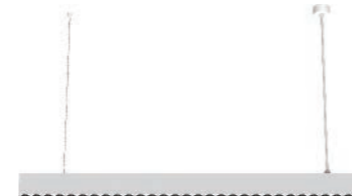
**Thông số kỹ thuật**

Power: 18W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-DZ9006**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-DZ9006F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°



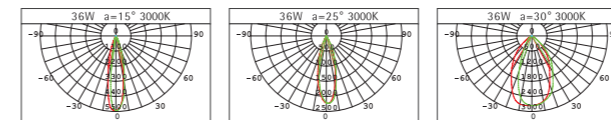
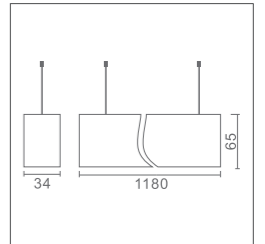
| 18W 15° |      |       |                  | 18W 25° |      |       |                  | 18W 30° |      |       |                  |
|---------|------|-------|------------------|---------|------|-------|------------------|---------|------|-------|------------------|
| Lux     |      |       |                  | Lux     |      |       |                  | Lux     |      |       |                  |
| h(m)    | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> | h(m)    | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> | h(m)    | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> |
| 1       | 0.23 | 3769  | 5491             | 1       | 0.51 | 1492  | 2236             | 1       | 0.68 | 1954  | 2859             |
| 2       | 0.46 | 942.3 | 1373             | 2       | 1.02 | 372.9 | 559.1            | 2       | 1.36 | 488.5 | 714.8            |
| 3       | 0.69 | 418.8 | 610.1            | 3       | 1.53 | 165.8 | 248.5            | 3       | 2.04 | 217.1 | 317.7            |

**HD-DZ9012**  
**HD-DZ9012F**



**Thông số kỹ thuật**

Power: 36W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-DZ9012**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-DZ9012F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/25°/30°

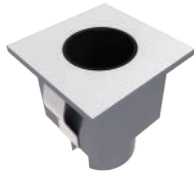


| 36W 15° |      |       |                  | 36W 25° |      |       |                  | 36W 30° |      |       |                  |
|---------|------|-------|------------------|---------|------|-------|------------------|---------|------|-------|------------------|
| Lux     |      |       |                  | Lux     |      |       |                  | Lux     |      |       |                  |
| h(m)    | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> | h(m)    | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> | h(m)    | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> |
| 1       | 0.23 | 3769  | 5491             | 1       | 0.51 | 1492  | 2236             | 1       | 0.68 | 1954  | 2859             |
| 2       | 0.46 | 942.3 | 1373             | 2       | 1.02 | 372.9 | 559.1            | 2       | 1.36 | 488.5 | 714.8            |
| 3       | 0.69 | 418.8 | 610.1            | 3       | 1.53 | 165.8 | 248.5            | 3       | 2.04 | 217.1 | 317.7            |



LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

Recessed Type (MINI)



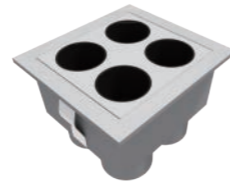
HD-TH5001/HD-TH5001F

2W



HD-TH5002/HD-TH5002F

4W



HD-TH5064/HD-TH5064F

8W



HD-TH5006/HD-TH5006F

10W



HD-TH5012/HD-TH5012F

20W

Pre-buried Type (MINI)



HD-YM5006/HD-YM5006F

10W

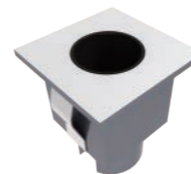


HD-YM5012/HD-YM5012F

20W

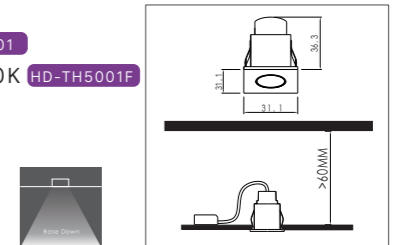


HD-TH5001  
HD-TH5001F



Thông số kỹ thuật

Power: 2W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-TH5001**  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-TH5001F**  
 CRI: >90  
 LM: 120LM  
 Input Voltage: AC220-240V  
 Beam Angle: 15°/24°/36°  
 Cut Size: 26x26mm



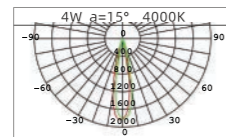
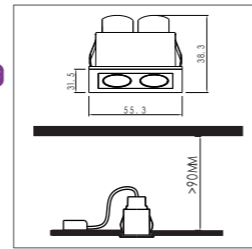
LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

**HD-TH5002**  
**HD-TH5002F**



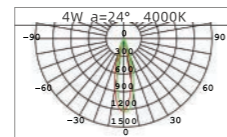
**Thông số kỹ thuật**

Power: 4W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-TH5002**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-TH5002F**  
CRI: >90  
LM: 240LM  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/24°/36°  
Cut Size: 51x26mm



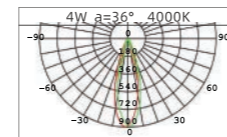
4W 15° 310lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.38 | 1320  | 1832  |
| 2    | 0.76 | 330.1 | 457.9 |
| 3    | 1.15 | 146.7 | 203.5 |
| 4    | 1.53 | 82.53 | 114.5 |
| 5    | 1.92 | 52.82 | 73.27 |



4W 24° 279lm  
Lux

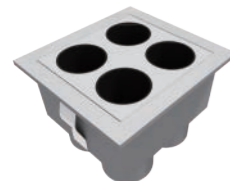
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.46 | 843   | 1238  |
| 2    | 0.92 | 210.8 | 309.6 |
| 3    | 1.38 | 93.67 | 137.6 |
| 4    | 1.84 | 52.69 | 77.4  |
| 5    | 2.30 | 33.72 | 49.54 |



4W 36° 269lm  
Lux

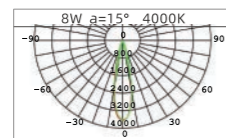
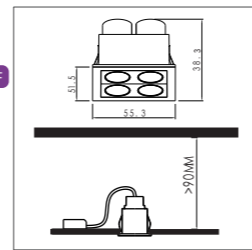
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.52 | 600.1 | 896.8 |
| 2    | 1.04 | 150   | 224.2 |
| 3    | 1.56 | 66.67 | 99.64 |
| 4    | 2.08 | 37.5  | 56.05 |
| 5    | 2.60 | 24    | 35.87 |

**HD-TH5064**  
**HD-TH5064F**



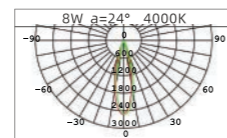
**Thông số kỹ thuật**

Power: 8W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-TH5064**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-TH5064F**  
CRI: >90  
LM: 480LM  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/24°/36°  
Cut Size: 51x46mm



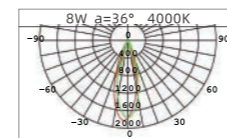
8W 15° 647lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.40 | 2535  | 3641  |
| 2    | 0.80 | 633.6 | 910.2 |
| 3    | 1.20 | 281.6 | 404.5 |
| 4    | 1.60 | 158.4 | 227.5 |
| 5    | 2.00 | 101.4 | 145.6 |



8W 24° 571lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.46 | 1646  | 2520  |
| 2    | 0.93 | 411.6 | 630   |
| 3    | 1.39 | 182.9 | 280   |
| 4    | 1.86 | 102.9 | 157.5 |
| 5    | 2.33 | 65.85 | 100.8 |



8W 36° 582lm  
Lux

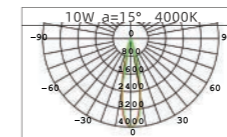
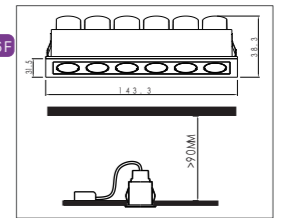
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.54 | 1178  | 1821  |
| 2    | 1.09 | 294.6 | 455.3 |
| 3    | 1.64 | 130.9 | 202.3 |
| 4    | 2.19 | 73.65 | 113.8 |
| 5    | 2.74 | 47.14 | 72.84 |

**HD-TH5006**  
**HD-TH5006F**



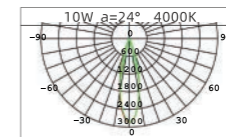
**Thông số kỹ thuật**

Power: 10W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-TH5006**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-TH5006F**  
CRI: >90  
LM: 600LM  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/24°/36°  
Cut Size: 139x26mm



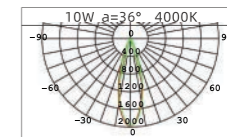
10W 15° 698lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.39 | 2724  | 3973  |
| 2    | 0.78 | 681   | 993.2 |
| 3    | 1.18 | 302.7 | 441.4 |
| 4    | 1.57 | 170.2 | 248.3 |
| 5    | 1.97 | 109   | 158.9 |



10W 24° 635lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.46 | 1954  | 2846  |
| 2    | 0.91 | 488.4 | 711.5 |
| 3    | 1.37 | 217.1 | 316.2 |
| 4    | 1.83 | 122.1 | 177.9 |
| 5    | 2.29 | 78.14 | 113.8 |



10W 36° 608lm  
Lux

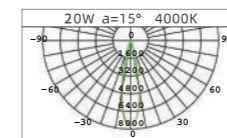
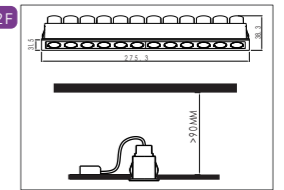
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.53 | 1342  | 1976  |
| 2    | 1.06 | 335.6 | 494.1 |
| 3    | 1.59 | 149.1 | 219.6 |
| 4    | 2.12 | 83.89 | 123.5 |
| 5    | 2.65 | 53.69 | 79.05 |

**HD-TH5012**  
**HD-TH5012F**



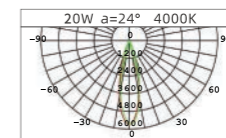
**Thông số kỹ thuật**

Power: 20W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-TH5012**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-TH5012F**  
CRI: >90  
LM: 1200LM  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/24°/36°  
Cut Size: 270x26mm



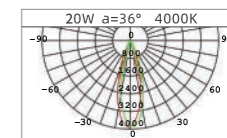
20W 15° 1343lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.39 | 5217  | 7624  |
| 2    | 0.79 | 1304  | 1906  |
| 3    | 1.18 | 579.7 | 847.1 |
| 4    | 1.58 | 326.1 | 476.5 |
| 5    | 1.97 | 208.7 | 305   |



20W 24° 1282lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.46 | 3915  | 5694  |
| 2    | 0.92 | 978.7 | 1423  |
| 3    | 1.38 | 435   | 632.7 |
| 4    | 1.84 | 244.7 | 355.9 |
| 5    | 2.30 | 156.6 | 227.8 |



20W 36° 1214lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.53 | 2654  | 3911  |
| 2    | 1.06 | 663.5 | 977.7 |
| 3    | 1.6  | 294.9 | 434.5 |
| 4    | 2.13 | 165.9 | 244.4 |
| 5    | 2.66 | 106.2 | 156.4 |



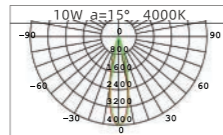
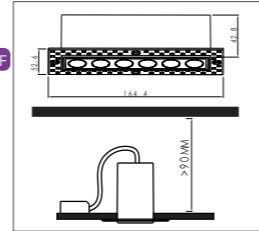
LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

HD-YM5006  
HD-YM5006F



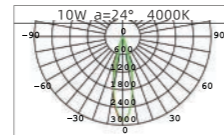
Thông số kỹ thuật

Power: 10W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-YM5006**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-YM5006F**  
CRI: >90  
LM: 600LM  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/24°/36°  
Cut Size: 145×32mm



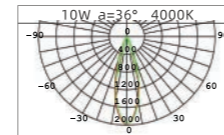
10W 15° 698lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.39 | 2724  | 3973  |
| 2    | 0.78 | 681   | 993.2 |
| 3    | 1.18 | 302.7 | 441.4 |
| 4    | 1.57 | 170.2 | 248.3 |
| 5    | 1.97 | 109   | 158.9 |



10W 24° 635lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.46 | 1954  | 2846  |
| 2    | 0.91 | 488.4 | 711.5 |
| 3    | 1.37 | 217.1 | 316.2 |
| 4    | 1.83 | 122.1 | 177.9 |
| 5    | 2.29 | 78.14 | 113.8 |



10W 36° 608lm  
Lux

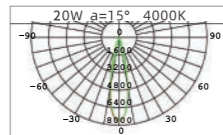
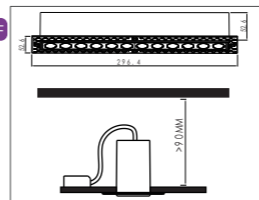
| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.53 | 1342  | 1976  |
| 2    | 1.06 | 335.6 | 494.1 |
| 3    | 1.59 | 149.1 | 219.6 |
| 4    | 2.12 | 83.89 | 123.5 |
| 5    | 2.65 | 53.69 | 79.05 |

HD-YM5012  
HD-YM5012F



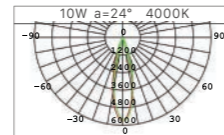
Thông số kỹ thuật

Power: 20W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **HD-YM5012**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **HD-YM5012F**  
CRI: >90  
LM: 1200LM  
Input Voltage: AC220-240V  
Beam Angle: 15°/24°/36°  
Cut Size: 275×32mm



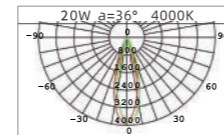
20W 15° 1343lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.39 | 5217  | 7624  |
| 2    | 0.79 | 1304  | 1906  |
| 3    | 1.18 | 579.7 | 847.1 |
| 4    | 1.58 | 326.1 | 476.5 |
| 5    | 1.97 | 208.7 | 305   |



20W 24° 1282lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.46 | 3915  | 5694  |
| 2    | 0.92 | 978.7 | 1423  |
| 3    | 1.38 | 435   | 632.7 |
| 4    | 1.84 | 244.7 | 355.9 |
| 5    | 2.30 | 156.6 | 227.8 |



20W 36° 1214lm  
Lux

| h(m) | d(m) | Em    | Emax  |
|------|------|-------|-------|
| 1    | 0.53 | 2654  | 3911  |
| 2    | 1.06 | 663.5 | 977.7 |
| 3    | 1.6  | 294.9 | 434.5 |
| 4    | 2.13 | 165.9 | 244.4 |
| 5    | 2.66 | 106.2 | 156.4 |



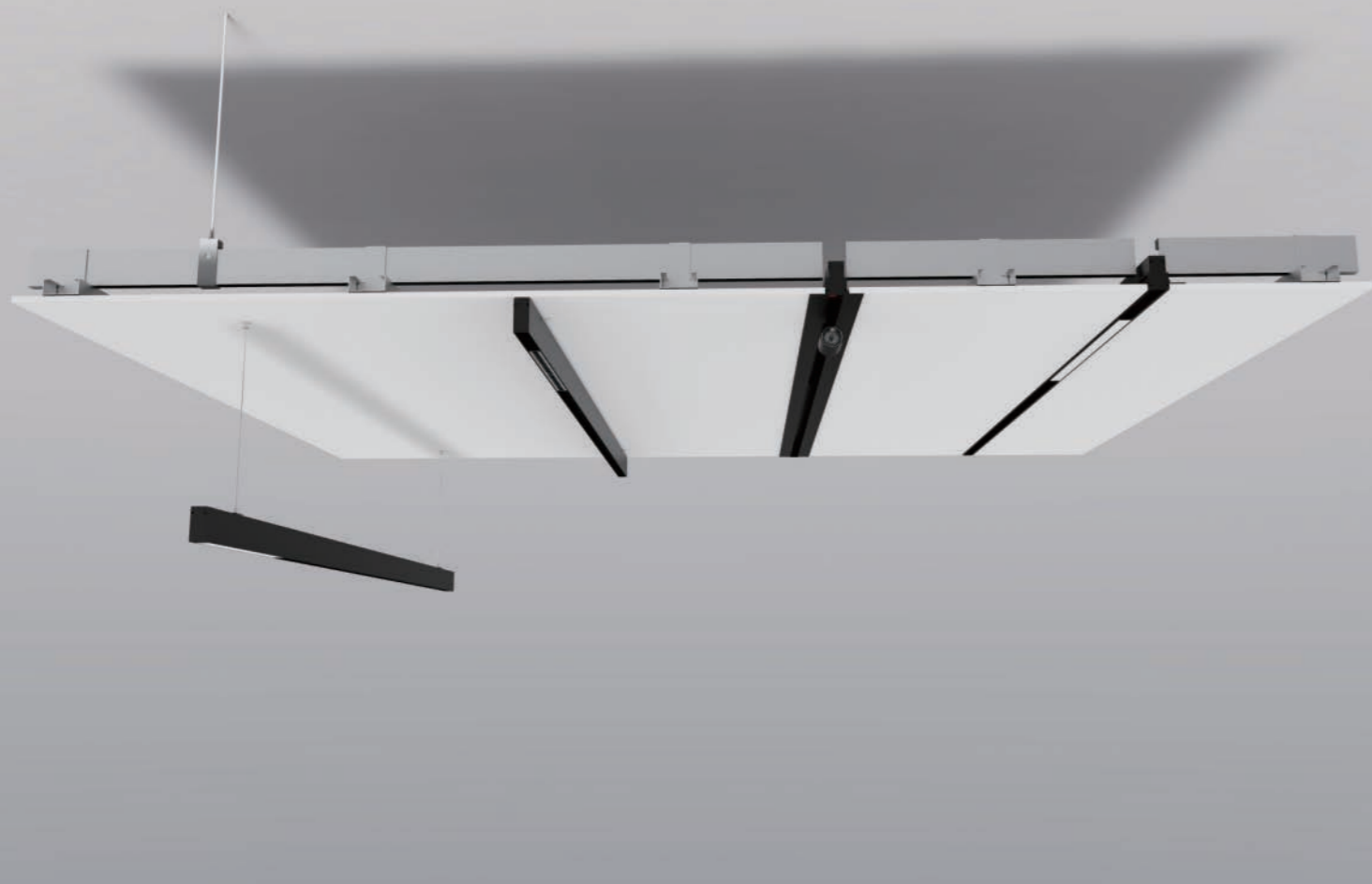
LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

# Shine Series

Chiếu sáng là nghệ thuật

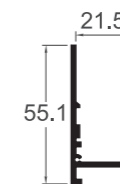
- 
- 48V Điện áp định mức 48V
- ↕ Di chuyển linh hoạt
- ☐ Dễ dàng kết hợp
- 🌀 Nhiều phương pháp lắp đặt





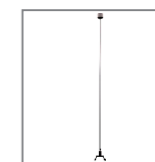
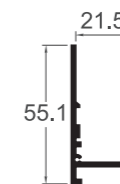
Surface Mounted Magnetic Track Light

- CX-MZ1000 1m
- CX-MZ2000 2m



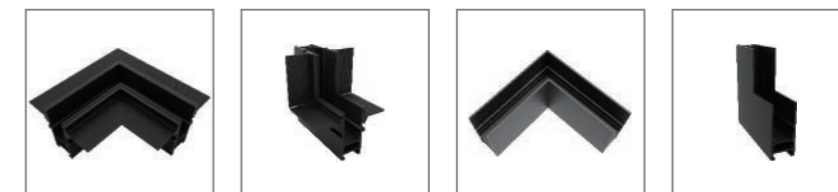
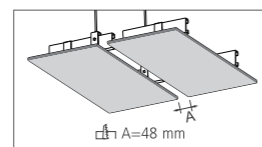
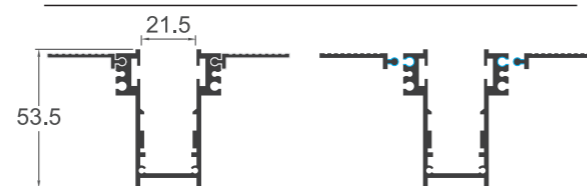
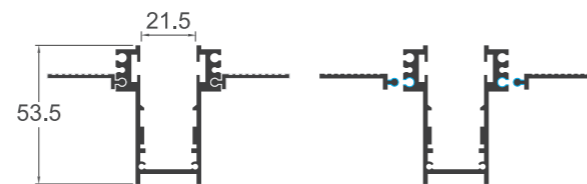
Suspension Magnetic Track Light

- CX-DZ1000 1m
- CX-DZ2000 2m



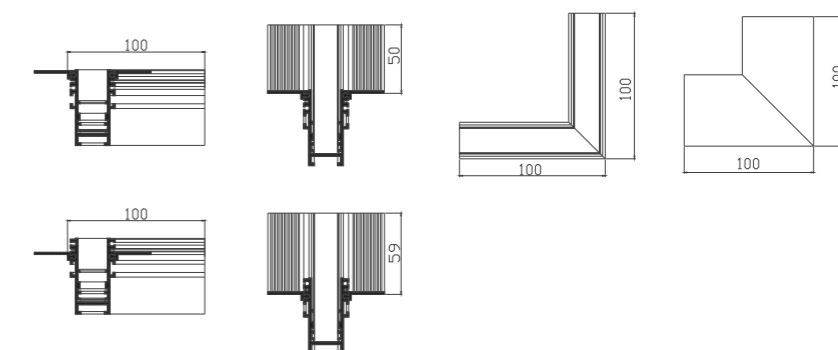
Pre-buried Magnetic Track Light

- CX-YM1000 1m
- CX-YM2000 2m



Corner Accessories

- CX-P100 plane
- CX-L100 facade



LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL



LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

● Black

Magnetic Track Spotlight



CX5001/CX5001F

6W



CX5002/CX5002F

9W



CX5003/CX5003F

12W

Magnetic Led Floorlight



CX6001/CX6001F

6W



CX6002/CX6002F

12W



CX6003/CX6003F

20W

Magnetic Grille Spotlight



CX7001/CX7001F

10W



CX7002/CX7002F

20W

Suspension Magnetic Droplight



CX8001/CX8001F

6W

Magnetic Folding Spotlight



CX9001/CX9001F

10W

Magnetic Folding Floorlight



CX9002/CX9002F

10W

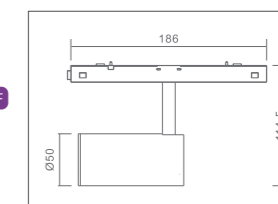


**CX5002**  
**CX5002F**

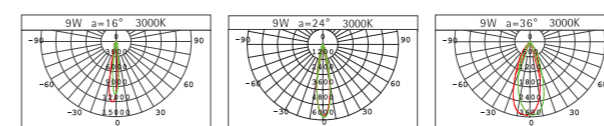


**Thông số kỹ thuật**

Power: 9W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K **CX5002**  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **CX5002F**  
 CRI: >90  
 Input Voltage: AC48V  
 Beam Angle: 16°/24°/36°



| 9W 16° |      |      |       | 9W 24° |      |       |       | 9W 36° |      |       |       |
|--------|------|------|-------|--------|------|-------|-------|--------|------|-------|-------|
| Lux    |      |      |       | Lux    |      |       |       | Lux    |      |       |       |
| h(m)   | d(m) | Em   | Emax  | h(m)   | d(m) | Em    | Emax  | h(m)   | d(m) | Em    | Emax  |
| 1      | 0.23 | 7605 | 11995 | 1      | 0.36 | 3839  | 5800  | 1      | 0.7  | 1975  | 2944  |
| 2      | 0.46 | 1901 | 2999  | 2      | 0.72 | 959.7 | 1450  | 2      | 1.4  | 493.7 | 735.9 |
| 3      | 0.69 | 845  | 1333  | 3      | 1.08 | 426.5 | 644.5 | 3      | 2.1  | 219.4 | 327.1 |

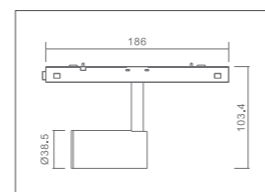


**CX5001**  
**CX5001F**

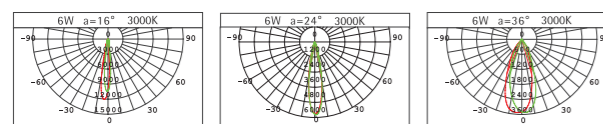


**Thông số kỹ thuật**

Power: 6W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K **CX5001**  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **CX5001F**  
 CRI: >90  
 Input Voltage: AC48V  
 Beam Angle: 16°/24°/36°



| 6W 16° |      |      |       | 6W 24° |      |       |       | 6W 36° |      |       |       |
|--------|------|------|-------|--------|------|-------|-------|--------|------|-------|-------|
| Lux    |      |      |       | Lux    |      |       |       | Lux    |      |       |       |
| h(m)   | d(m) | Em   | Emax  | h(m)   | d(m) | Em    | Emax  | h(m)   | d(m) | Em    | Emax  |
| 1      | 0.23 | 7605 | 11995 | 1      | 0.36 | 3839  | 5800  | 1      | 0.7  | 1975  | 2944  |
| 2      | 0.46 | 1901 | 2999  | 2      | 0.72 | 959.7 | 1450  | 2      | 1.4  | 493.7 | 735.9 |
| 3      | 0.69 | 845  | 1333  | 3      | 1.08 | 426.5 | 644.5 | 3      | 2.1  | 219.4 | 327.1 |

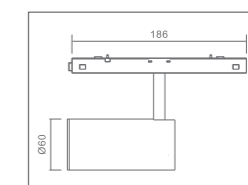


**CX5003**  
**CX5003F**

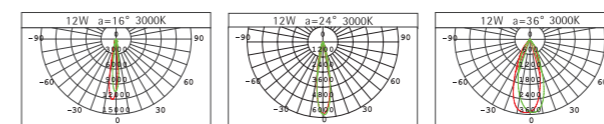


**Thông số kỹ thuật**

Power: 12W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K **CX5003**  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **CX5003F**  
 CRI: >90  
 Input Voltage: AC48V  
 Beam Angle: 16°/24°/36°



| 12W 16° |      |      |       | 12W 24° |      |       |       | 12W 36° |      |       |       |
|---------|------|------|-------|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|
| Lux     |      |      |       | Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       |
| h(m)    | d(m) | Em   | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |
| 1       | 0.23 | 7605 | 11995 | 1       | 0.36 | 3839  | 5800  | 1       | 0.7  | 1975  | 2944  |
| 2       | 0.46 | 1901 | 2999  | 2       | 0.72 | 959.7 | 1450  | 2       | 1.4  | 493.7 | 735.9 |
| 3       | 0.69 | 845  | 1333  | 3       | 1.08 | 426.5 | 644.5 | 3       | 2.1  | 219.4 | 327.1 |



LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

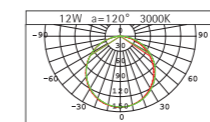
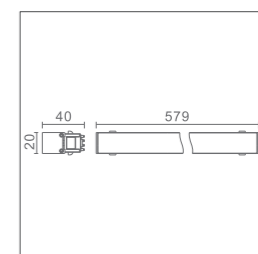


CX6002  
CX6002F



Thông số kỹ thuật

Power: 12W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K **CX6002**  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **CX6002F**  
 CRI: >90  
 Input Voltage: AC48V  
 Beam Angle: 120°



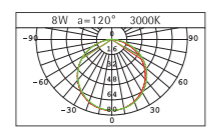
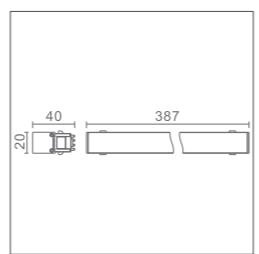
| 12W 120° |      |       |       |  |
|----------|------|-------|-------|--|
| Lux      |      |       |       |  |
| h(m)     | d(m) | Em    | Emax  |  |
| 1        | 3.03 | 42.31 | 147.8 |  |
| 2        | 6.06 | 10.58 | 36.96 |  |
| 3        | 9.09 | 4.701 | 16.43 |  |

CX6001  
CX6001F



Thông số kỹ thuật

Power: 6W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K **CX6001**  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **CX6001F**  
 CRI: >90  
 Input Voltage: AC48V  
 Beam Angle: 120°



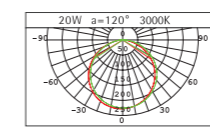
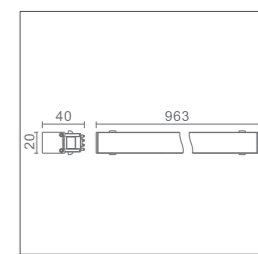
| 8W 120° |      |       |       |  |
|---------|------|-------|-------|--|
| Lux     |      |       |       |  |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |  |
| 1       | 3.05 | 21.70 | 75.20 |  |
| 2       | 6.10 | 5.426 | 18.80 |  |
| 3       | 9.15 | 2.411 | 8.356 |  |

CX6003  
CX6003F



Thông số kỹ thuật

Power: 20W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K **CX6003**  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **CX6003F**  
 CRI: >90  
 Input Voltage: AC48V  
 Beam Angle: 120°



| 20W 120° |      |       |       |  |
|----------|------|-------|-------|--|
| Lux      |      |       |       |  |
| h(m)     | d(m) | Em    | Emax  |  |
| 1        | 3.08 | 65.39 | 227.8 |  |
| 2        | 6.16 | 16.35 | 56.96 |  |
| 3        | 9.24 | 7.265 | 25.31 |  |



LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

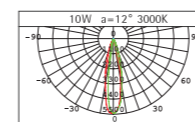
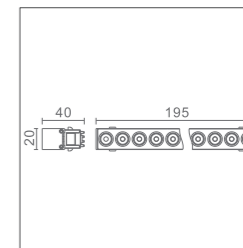


**CX7001**  
**CX7001F**

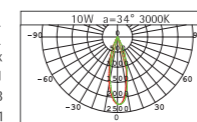


**Thông số kỹ thuật**

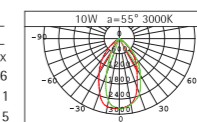
Power: 10W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K **CX7001**  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **CX7001F**  
 CRI: >90  
 Input Voltage: AC48V  
 Beam Angle: 12°/34°/55°



| 10W 12° |      |       |       |  |
|---------|------|-------|-------|--|
| Lux     |      |       |       |  |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |  |
| 1       | 0.23 | 3769  | 5491  |  |
| 2       | 0.46 | 942.3 | 1373  |  |
| 3       | 0.69 | 418.8 | 610.1 |  |



| 10W 34° |      |       |       |  |
|---------|------|-------|-------|--|
| Lux     |      |       |       |  |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |  |
| 1       | 0.51 | 1492  | 2236  |  |
| 2       | 1.02 | 372.9 | 559.1 |  |
| 3       | 1.53 | 165.8 | 248.5 |  |



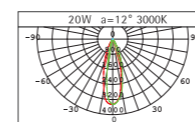
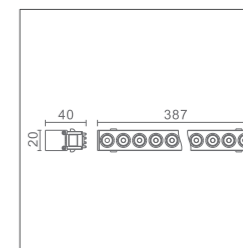
| 10W 55° |      |       |       |  |
|---------|------|-------|-------|--|
| Lux     |      |       |       |  |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |  |
| 1       | 0.68 | 1954  | 2859  |  |
| 2       | 1.36 | 488.5 | 714.8 |  |
| 3       | 2.04 | 217.1 | 317.7 |  |

**CX7002**  
**CX7002F**

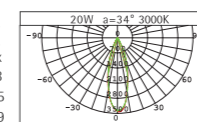


**Thông số kỹ thuật**

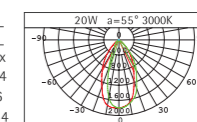
Power: 20W  
 Adjustable CCT: 2800K-6000K **CX7002**  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **CX7002F**  
 CRI: >90  
 Input Voltage: AC48V  
 Beam Angle: 12°/34°/55°



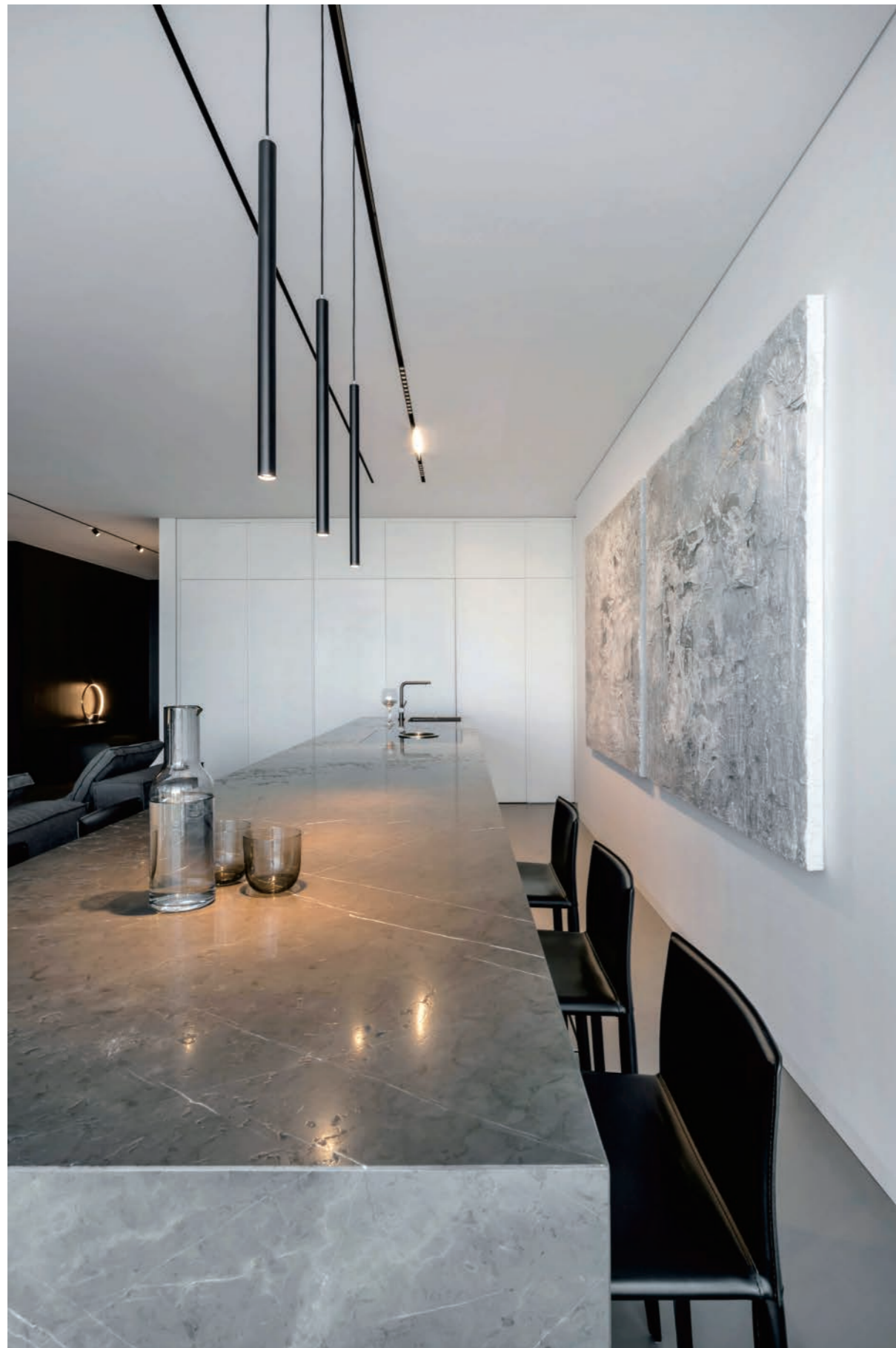
| 20W 12° |      |       |       |  |
|---------|------|-------|-------|--|
| Lux     |      |       |       |  |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |  |
| 1       | 0.25 | 2433  | 3518  |  |
| 2       | 0.50 | 608.3 | 879.5 |  |
| 3       | 0.75 | 270.3 | 390.9 |  |



| 20W 34° |      |       |       |  |
|---------|------|-------|-------|--|
| Lux     |      |       |       |  |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |  |
| 1       | 0.54 | 2208  | 3424  |  |
| 2       | 1.08 | 552   | 856   |  |
| 3       | 1.62 | 245.4 | 380.4 |  |



| 20W 55° |      |       |       |  |
|---------|------|-------|-------|--|
| Lux     |      |       |       |  |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |  |
| 1       | 0.7  | 1287  | 1853  |  |
| 2       | 1.4  | 321.8 | 463.3 |  |
| 3       | 2.1  | 143   | 205.9 |  |

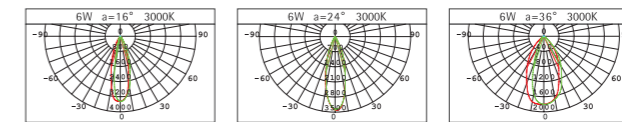
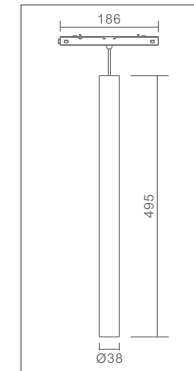


CX8001  
CX8001F



Thông số kỹ thuật

Power: 6W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **CX8001**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **CX8001F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC48V  
Beam Angle: 16°/24°/36°



| 6W 16° |      |       |                  | 6W 24° |      |       |                  | 6W 36° |      |       |                  |
|--------|------|-------|------------------|--------|------|-------|------------------|--------|------|-------|------------------|
| Lux    |      |       |                  | Lux    |      |       |                  | Lux    |      |       |                  |
| h(m)   | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> | h(m)   | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> | h(m)   | d(m) | Em    | E <sub>max</sub> |
| 1      | 0.25 | 2433  | 3518             | 1      | 0.54 | 2208  | 3424             | 1      | 0.7  | 1287  | 1853             |
| 2      | 0.50 | 608.3 | 879.5            | 2      | 1.08 | 552   | 856              | 2      | 1.4  | 321.8 | 463.3            |
| 3      | 0.75 | 270.3 | 390.9            | 3      | 1.62 | 245.4 | 380.4            | 3      | 2.1  | 143   | 205.9            |



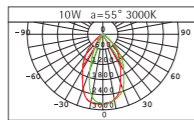
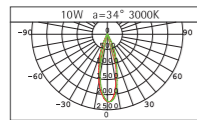
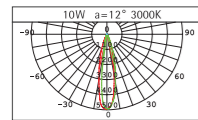
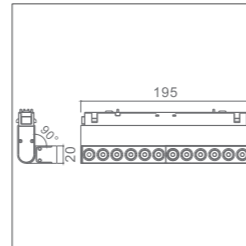
LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

**CX9001**  
**CX9001F**



**Thông số kỹ thuật**

Power: 10W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **CX9001**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **CX9001F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC48V  
Beam Angle: 12°/34°/55°



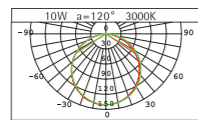
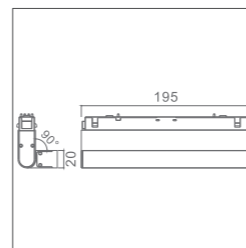
| 10W 12° |      |       |       | 10W 34° |      |       |       | 10W 55° |      |       |       |
|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|---------|------|-------|-------|
| Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       | Lux     |      |       |       |
| h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  | h(m)    | d(m) | Em    | Emax  |
| 1       | 0.23 | 3769  | 5491  | 1       | 0.51 | 1492  | 2236  | 1       | 0.68 | 1954  | 2859  |
| 2       | 0.46 | 942.3 | 1373  | 2       | 1.02 | 372.9 | 559.1 | 2       | 1.36 | 488.5 | 714.8 |
| 3       | 0.69 | 418.8 | 610.1 | 3       | 1.53 | 165.8 | 248.5 | 3       | 2.04 | 217.1 | 317.7 |

**CX9002**  
**CX9002F**



**Thông số kỹ thuật**

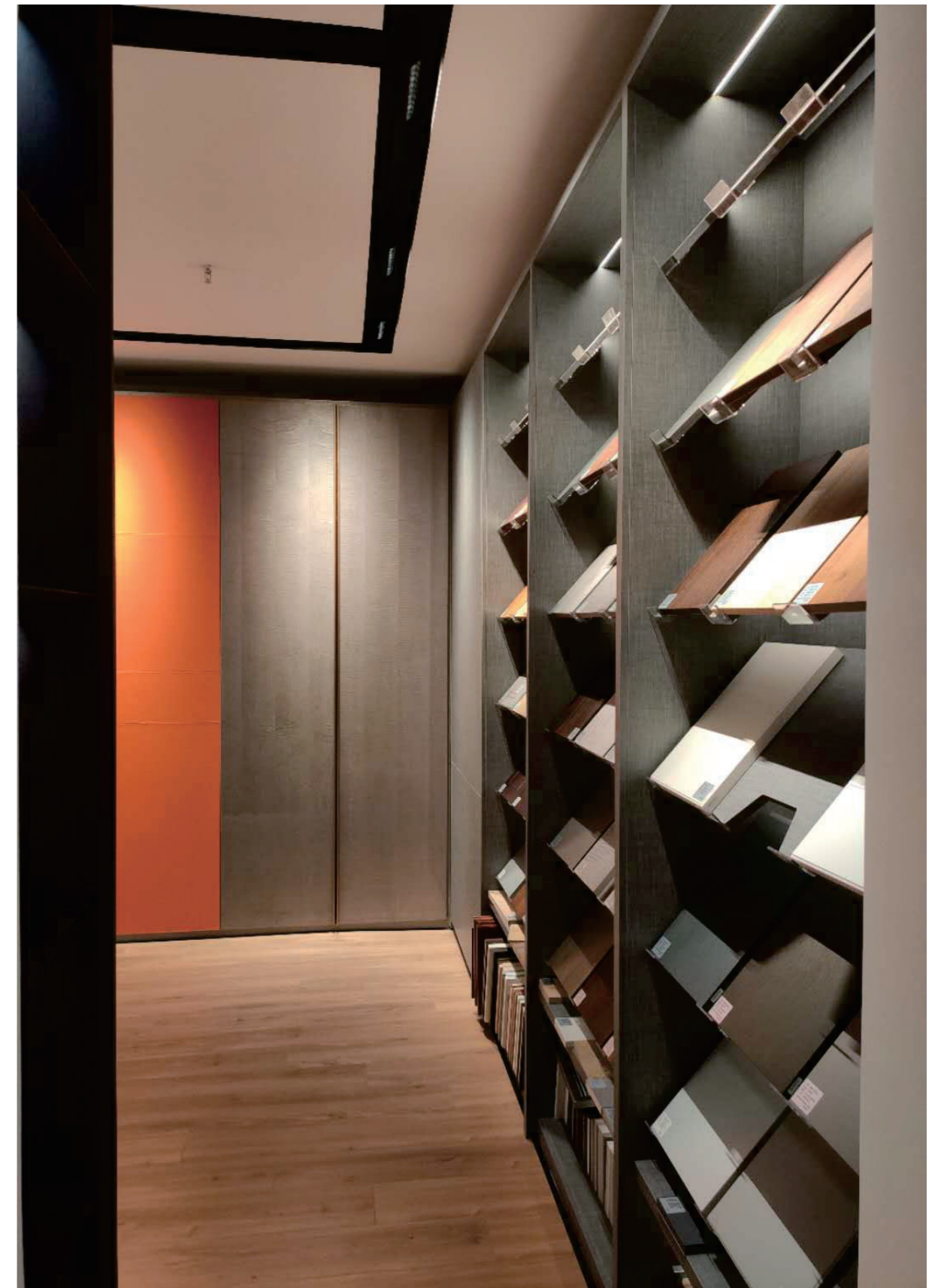
Power: 10W  
Adjustable CCT: 2800K-6000K **CX9002**  
CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K **CX9002F**  
CRI: >90  
Input Voltage: AC48V  
Beam Angle: 120°



| 10W 120° |      |       |       |
|----------|------|-------|-------|
| Lux      |      |       |       |
| h(m)     | d(m) | Em    | Emax  |
| 1        | 3.03 | 42.31 | 147.8 |
| 2        | 6.06 | 10.58 | 36.96 |
| 3        | 9.09 | 4.701 | 16.43 |



LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL



# Glitter Series

Dòng chảy của ánh sáng với tuổi thọ cao

- 
- 👁️ Không có chênh lệch độ sáng trong 10 mét
- ☀️ Chiếu sáng đều nhờ chip Led SMD2835 có độ sáng cao
- 📐 Thiết kế siêu mỏng
- 📦 Bám dính chắc chắn bằng băng dính 2 mặt của 3M



Single-color LED Strip Light 9.6W/m



Thông số kỹ thuật

Item No: L2080  
 Rated Power: 9.6W/m  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K  
 CRI: > 90  
 LED: SMD2835  
 Pieces per meter: 120 pcs/m  
 Input Voltage: 24V DC  
 Beam Angle: 120°  
 Paste Way: The back is fixed with 3M double-sided tape or fixed by buckles

Single-color Tube Sleeve LED Strip Light



Thông số kỹ thuật

Item No: LT3080  
 Rated Power: 9.6W/m  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K  
 CRI: > 90  
 LED: SMD2835  
 Pieces per meter: 120 pcs/m  
 Input Voltage: 24V DC  
 Beam Angle: 120°  
 Paste Way: The back is fixed with 3M double-sided tape or fixed by buckles

Single-color LED Strip Light 4.8W/m



Thông số kỹ thuật

Item No: L2060  
 Rated Power: 4.8W/m  
 CCT: 2700K/3000K/3500K/4000K/5000K  
 CRI: > 90  
 LED: SMD2835  
 Pieces per meter: 120 pcs/m  
 Input Voltage: 24V DC  
 Beam Angle: 120°  
 Paste Way: The back is fixed with 3M double-sided tape or by buckles

Doubled CCLED Strip Light



Thông số kỹ thuật

Item No: LS2760  
 Rated Power: 12W/m  
 CCT: 2700K-6500K  
 CRI: > 90  
 LED: SMD2835  
 Pieces per meter: 192 pcs/m  
 Input Voltage: 24V DC  
 Beam Angle: 120°  
 Paste Way: The back is fixed with 3M double-sided tape or fixed by buckles



LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL

### RGB Colorful SPI LED Strip Light



### Thông số kỹ thuật

Item No: LSP255  
Rated Power: 12W/m  
CRI: > 90  
LED: SMD5050  
Input Voltage: 24V DC  
Beam Angle: 120°  
Paste Way: The back is fixed with 3M double-sided tape or fixed by buckles

### RGBCW LED Strip Light



### Thông số kỹ thuật

Item No: LPS565  
Rated Power: 19.2W/m  
CCT: 2700K-6000K  
CRI: > 90  
LED: SMD5050  
Input Voltage: 24V DC  
Beam Angle: 120°  
Paste Way: The back is fixed with 3M double-sided tape or fixed by buckles



LIGHT SOURCE: OSRAM LUMINUS DRIVER: PHILIPS HDL